



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2024

*Xây dựng vị thế vững mạnh
trên hành trình logistics bền vững*



MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU TRA-SAS

06	Thông tin khái quát	16	Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
08	Giới thiệu TRA-SAS	18	Định hướng phát triển
10	Lịch sử hình thành và phát triển	22	Các rủi ro
12	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	24	Thành tựu đạt được
14	Dấu ấn tiêu biểu của TRA-SAS năm 2024		

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

30	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	44	Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
32	Tổ chức và nhân sự	46	Báo cáo liên quan về tác động của môi trường và xã hội
42	Tình hình tài chính		

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

52	Đánh giá kết quả hoạt động năm 2024	60	Báo cáo tình hình tài chính
56	Các tiến bộ Công ty đạt được	62	Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

66	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
68	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
68	Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2024

72	Hội đồng quản trị
74	Ban kiểm soát
75	Ban điều hành
76	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

I.

GIỚI THIỆU TRA-SAS

06 Thông tin khái quát

08 Giới thiệu TRA-SAS

10 Lịch sử hình thành và phát triển

12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

14 Dấu ấn tiêu biểu của TRA-SAS năm 2024

16 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

18 Định hướng phát triển

22 Các rủi ro

24 Thành tựu đạt được



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
HÀNG HẢI**

Tên công ty bằng tiếng Anh:
**TRACIMEXCO - SUPPLY CHAINS AND AGENCY
SERVICES JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch:
TRA-SAS

Tên viết tắt:
TRA-SAS

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
DOANH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp:
0304184415

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304184415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 28 ngày 17 tháng 10 năm 2024.

VỐN ĐIỀU LỆ (VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ
SỞ HỮU): 65.442.680.000 ĐỒNG

Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng.

MÃ CỔ PHIẾU: TRS

Mệnh giá cổ phần:
10.000 đồng

Tổng số cổ phần:
6.544.268 cổ phần

Địa chỉ:
**34 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Quận
1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Số điện thoại:
(028) 3925 0222

Website:
www.trasas.com.vn

GIỚI THIỆU TRA-SAS

Tiền thân là Xí nghiệp Vận tải Biển và Dịch vụ Hàng hải, đến ngày 15/01/2006, công ty chính thức chuyển đổi mô hình sang **Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải (TRA-SAS)**, đánh dấu bước ngoặt chiến lược trong hành trình phát triển. Ngày 18/09/2015, cổ phiếu TRA-SAS (mã chứng khoán: TRS) chính thức giao dịch trên sàn UpCOM – Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trải qua gần 25 năm hình thành và phát triển, TRA-SAS tự hào là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực logistics và vận tải tại Việt Nam.



Với sứ mệnh trở thành **“Đối tác đáng tin cậy và hữu ích”**, TRA-SAS không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, hỗ trợ khách hàng tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao lợi thế cạnh tranh.

Các cột mốc nổi bật:

2011	2019
Lần đầu đạt lợi nhuận trước thuế trên 1 triệu USD; mở rộng Trung tâm phân phối tại Hà Nội.	Doanh thu đạt trên 30 triệu USD, lợi nhuận trước thuế vượt 1,5 triệu USD, tăng trưởng 27,2%.
2013	2022
Gia nhập Hiệp hội Giao nhận Việt Nam (VLA); nhận giải thưởng “International Quality Crown Award – Gold Category” (Anh).	Vận hành Kho Hóa Chất và Hàng Nguy Hiểm tại KCN Phú Thạnh – Vĩnh Thanh (Đồng Nai), diện tích hơn 16.000 m ² , đạt chuẩn lưu trữ hàng DG & Non-DG.
2015	2023
Niêm yết trên sàn UpCOM/HNX với mã TRS.	Nhận chứng nhận ISO 9001:2015, nâng vốn điều lệ lên 54 tỷ đồng, khởi công văn phòng mới tại TP. Thủ Đức.

TRA-SAS cam kết tiếp tục phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ hiện đại, trong đó ưu tiên công nghệ AI, đóng góp tích cực vào sự phát triển môi trường và có trách nhiệm với cộng đồng.

LỊCH SỬ HÌNH HÀNH & PHÁT TRIỂN

Xuất thân từ Doanh nghiệp có vốn nhà nước trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, TRA-SAS đã không ngừng vươn lên, trở thành doanh nghiệp logistics hàng đầu, khẳng định vị thế, thương hiệu trên thị trường Việt Nam

1996 – Thành lập Xí nghiệp Vận tải Biển và Dịch vụ Hàng hải (tiền thân của TRA-SAS), trực thuộc Tổng Công ty VIETRANSCIMEX – Bộ Giao thông Vận tải.

2006 – Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải TRA-SAS.
– Vốn điều lệ ban đầu: 4,6 tỷ đồng.

2011 – Khai trương Trung tâm Phân phối & Dịch vụ Kho bãi thứ hai tại Hà Nội.

2012 – Khánh thành trụ sở mới tại số 34 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM
– Vốn điều lệ tăng lên 15 tỷ đồng.

2013 – Trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội Giao nhận Việt Nam (VLA).
– Vận hành trung tâm kho bãi thứ ba tại Bình Dương.
– Vốn điều lệ nâng lên 22 tỷ đồng.

2015 – Chính thức niêm yết trên sàn UpCOM – HNX với mã chứng khoán **TRS**.

2019 – Vận hành Trung tâm Phân phối & Kho bãi tại DT743, Dĩ An (Bình Dương), diện tích 5.400 m², sức chứa hơn 10.000 khay hàng.

2021 – Khai trương Kho chứa hàng hóa là Hóa chất và Hàng nguy hiểm tại KCN Phú Thạnh – Vĩnh Thanh (Đồng Nai), diện tích hơn 16.000 m², sức chứa trên 12.000 tấn, đạt chuẩn lưu trữ hàng DG & Non-DG.

2023 – Khởi công xây dựng văn phòng Trụ sở mới tại TP. Thủ Đức với diện tích lớn hơn, hiện đại và nhiều tiện ích hơn.
– Vốn điều lệ tăng lên 54 tỷ đồng.

2024 – Vốn điều lệ tiếp tục tăng lên **65,4 tỷ đồng**.



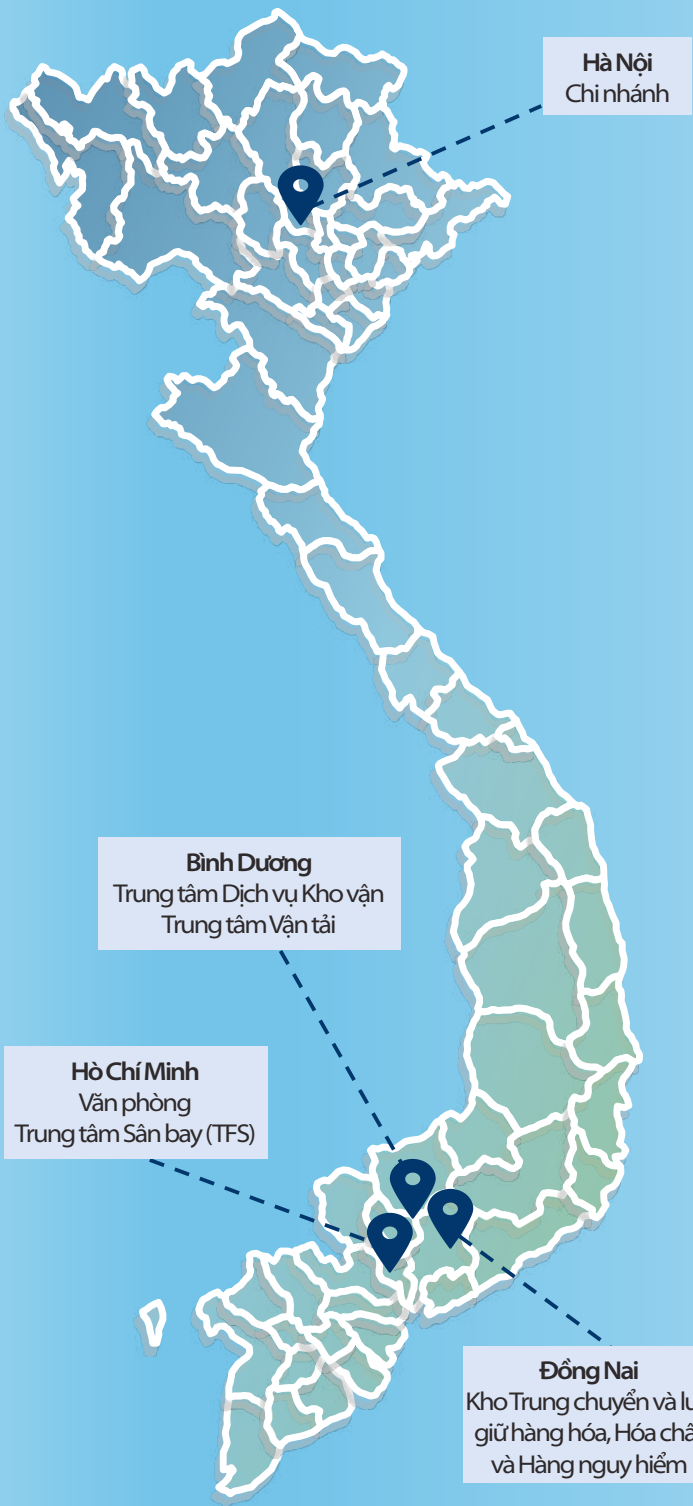
NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Vận tải hàng hóa ven biển và đường bộ	Kinh doanh vận tải biển
Đại lý vận tải đường biển; Đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa	Dịch vụ khai thuê hải quan
	Phân phối hàng tiêu dùng và phân bón



ĐỊA BÀN KINH DOANH



Tính đến 31/12/2024, TRA-SAS hiện có các Văn phòng, Chi nhánh sau::

HỒ CHÍ MINH

Văn phòng Công ty

34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (+84 28) 39 250 222

Website: www.trasas.com.vn

Trung tâm Sân bay (TFS)

78/H2 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP HCM

Điện thoại: 0903 670 381

HÀ NỘI

Chi nhánh Công ty

Số 25, Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84 24)3934 6768

BÌNH DƯƠNG

Chi nhánh - Trung tâm Dịch vụ Kho vận

6/4 Đường DT743B, Khu phố Đông An 3, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0903 374 737

Chi nhánh - Trung tâm Vận tải

Số 29, Đường số 4, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (+84 31) 3569284

ĐỒNG NAI

Chi nhánh Đồng Nai – Kho Trung chuyển và lưu giữ hàng hóa, Hóa chất và Hàng nguy hiểm

Tổ 3, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: +84 376 126 090

DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA TRA-SAS NĂM 2024



TOP 10 doanh nghiệp tiêu biểu phát triển quan hệ đối tác hải quan - doanh nghiệp 2024



Tổng cục Hải quan công bố Quyết định và trao Giấy khen của Tổng cục trưởng
Tổng cục Hải quan cho lãnh đạo TRA-SAS

Ngày 10/09/2024, TRA-SAS được xướng tên trong Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu phát triển quan hệ đối tác hải quan - doanh nghiệp năm 2024. Giải thưởng này là sự ghi nhận những đóng góp nổi bật của TRA-SAS trong việc thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan, hướng tới môi trường kinh doanh minh bạch, hiệu quả và bền vững.

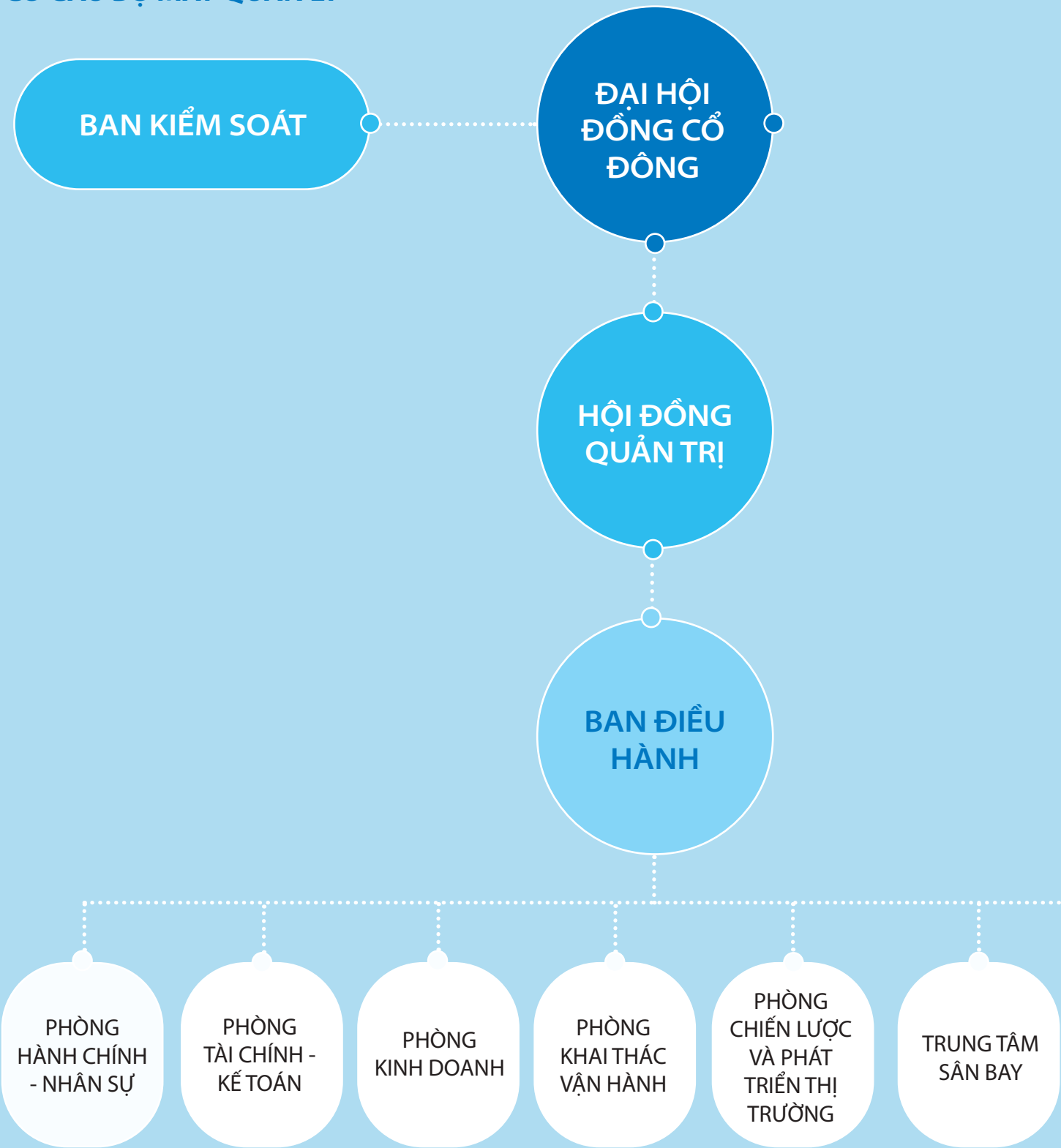
Chương trình bình chọn được tổ chức nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ pháp luật hải quan, tối ưu hóa quy trình xuất nhập khẩu và xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với cơ quan quản lý nhà nước.

Việc được vinh danh trong danh sách này khẳng định vị thế của TRA-SAS trong lĩnh vực logistics và thương mại quốc tế, đồng thời tạo động lực để công ty tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng hợp tác trong thời gian tới.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH ĐẾN NĂM 2030

Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ hàng hải tại Việt Nam, vươn tầm khu vực, cung cấp các giải pháp vận tải tối ưu, an toàn và bền vững, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và đối tác.

Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics tại Việt Nam, TRA-SAS cung cấp dịch vụ tối ưu cho Khách hàng và áp dụng các chiến lược, công nghệ mới mà TRA-SAS đang hướng tới. TRA-SAS định hướng phát triển bền vững và cải thiện sự phát triển môi trường của cộng đồng.

1



Phát triển thị trường và mở rộng quy mô trong nước và khu vực Đông Nam Á.

2



Nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành, ứng dụng công nghệ số vào quản lý và vận hành.

3



Đầu tư nâng cấp thiết bị vận tải, ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường. Phát triển hệ thống kho bãi, logistics, tăng cường năng lực vận chuyển.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2030



6

5



Tăng trưởng doanh thu bền vững, đảm bảo lợi nhuận cho cổ đông. Kiểm soát chi phí vận hành hiệu quả, nâng cao năng suất lao động. Đa dạng hóa nguồn thu thông qua các dịch vụ giá trị gia tăng trong ngành logistics.

4



Tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn hàng hải quốc tế về an toàn và môi trường, áp dụng các giải pháp vận tải xanh, giảm thiểu khí thải và tác động đến môi trường biển.



Đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



MỤC TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRA-SAS cam kết theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Chúng tôi không ngừng cải tiến công nghệ, tối ưu hóa hoạt động vận tải nhằm giảm khí thải, tiết kiệm nhiên liệu và ứng dụng các giải pháp logistics xanh.

Song song đó, TRA-SAS tích cực tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư với các đối tác chiến lược trong ngành logistics nhằm mở rộng mạng lưới

toàn cầu và mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng. Công ty cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, công bằng, tạo điều kiện phát triển cho người lao động. Đồng thời, chúng tôi luôn tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành logistics và nền kinh tế Việt Nam.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, TRA-SAS tập trung phát triển dựa trên **5 giá trị cốt lõi**.



CÁC RỦI RO

CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Rủi ro kinh tế và tài chính

Trong năm 2025, các doanh nghiệp logistics có thể đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh. Trước hết, rủi ro kinh tế và tài chính được dự báo sẽ có tác động đáng kể đến toàn ngành. Nếu kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái, nhu cầu vận chuyển hàng hóa sẽ giảm, kéo theo doanh thu sụt giảm. Bên cạnh đó, biến động tỷ giá ngoại tệ có thể làm tăng chi phí hoặc thu hẹp lợi nhuận từ các hợp đồng mua bán quốc tế. Áp lực từ lạm phát và lãi suất cao cũng là thách thức lớn khi giá nhiên liệu, chi phí bảo trì phương tiện và lương nhân công gia tăng, làm giảm biên lợi nhuận và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành.

Rủi ro chuỗi cung ứng và vận hành

Các doanh nghiệp logistics đối diện với nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng và vận hành. Xung đột địa chính trị, thiên tai hay căng thẳng thương mại có thể làm đứt gãy nguồn cung hàng hóa, dẫn đến tình trạng chậm trễ và chi phí vận chuyển leo thang. Tắc nghẽn tại các cảng biển, kho bãi cũng có thể xảy ra khi nhu cầu vận chuyển tăng đột biến, làm kéo dài thời gian giao hàng và tăng chi phí lưu kho. Ngoài ra, tình trạng thiếu hụt lao động, đặc biệt là tài xế xe tải, công nhân kho bãi và nhân sự vận hành, cũng khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động ổn định.

Rủi ro công nghệ và an ninh mạng

Công nghệ và an ninh mạng là một lĩnh vực rủi ro khác mà các doanh nghiệp logistics cần lưu ý. Khi ngành này ngày càng phụ thuộc vào hệ thống quản lý vận tải, phần mềm theo dõi hàng hóa và dữ liệu khách hàng, nguy cơ bị tấn công mạng cũng gia tăng. Các cuộc tấn công mạng có thể gây thất thoát dữ liệu quan trọng, làm gián đoạn hệ thống vận hành, thậm chí gây tổn thất tài chính nghiêm trọng. Hơn nữa, nếu hệ thống phần

Rủi ro liên quan đến chính sách và pháp lý

Các quy định pháp lý cũng có thể tác động đáng kể đến hoạt động của ngành logistics. Chính phủ nhiều nước đang siết chặt các chính sách môi trường nhằm giảm lượng khí thải carbon, yêu cầu doanh nghiệp phải đầu tư vào phương tiện vận chuyển thân thiện với môi trường. Điều này có thể làm tăng đáng kể chi phí đầu tư và vận hành. Mặt khác, căng thẳng thương mại và chính sách thuế quan của các nền kinh tế lớn như Mỹ,

Rủi ro liên quan đến khí hậu và thiên tai

Rủi ro về khí hậu và thiên tai cũng là một yếu tố đáng lo ngại. Bão, lũ lụt, hạn hán có thể làm gián đoạn các tuyến đường vận chuyển, gây hư hỏng hàng hóa và làm tăng chi phí bảo hiểm. Bên cạnh đó, thời tiết cực đoan như sương mù dày đặc, bão tuyết hay sóng nhiệt cũng có thể khiến việc giao hàng bị chậm trễ, gây ảnh hưởng đến uy tín và khả năng đáp ứng của các doanh nghiệp logistics.

Rủi ro cạnh tranh và thay đổi mô hình kinh doanh

Cuối cùng, cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt khi các công ty công nghệ lớn như Amazon, Alibaba đẩy mạnh dịch vụ logistics của riêng họ, tạo áp lực lớn lên các doanh nghiệp truyền thống. Sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử cũng buộc các công ty logistics phải liên tục đổi mới, đầu tư vào công nghệ, cải thiện tốc độ giao hàng và tối ưu hóa chi phí để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Trung Quốc hay EU có thể làm thay đổi dòng chảy thương mại toàn cầu, gây bất lợi cho các doanh nghiệp logistics có hoạt động xuyên biên giới.



Trước những rủi ro này, TRA-SAS luôn có các chiến lược ứng phó linh hoạt, đẩy mạnh số hóa, đa dạng hóa nguồn cung, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và tuân thủ các quy định pháp lý. Việc nâng cao khả năng thích ứng với biến động của thị trường không chỉ giúp TRA-SAS giảm thiểu rủi ro mà còn nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo tăng trưởng bền vững trong tương lai.

THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

CHỨNG NHẬN & GIẢI THƯỞNG

1



2



3



4



5



6



7



8



THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

HIỆP HỘI



II.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

30 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

32 Tổ chức và nhân sự

40 Tình hình tài chính

44 Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

46 Báo cáo liên quan về tác động của môi trường và xã hội



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Kế hoạch 2024	% (+/-) Năm 2024 / Năm 2023	% (+/-) TH Năm 2024 / KH Năm 2024
A	Kết quả hoạt động kinh doanh					
1	Doanh thu thuần	1.012,29	1.077,41	1.000,00	6,43%	7,74%
2	Lợi nhuận gộp	133,12	145,57	-	9,35%	-
3	Doanh thu hoạt động tài chính	3,59	3,95	-	10,09%	-
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	28,35	36,55	28,50	28,95%	28,26%
5	Lợi nhuận khác	6,40	8,27	-	29,27%	-
6	Lợi nhuận trước thuế	34,75	44,83	35,00	29,01%	28,08%
7	Lợi nhuận sau thuế	27,71	35,78	28,00	29,12%	27,79%
B	Chi phí sản xuất kinh doanh					
1	Giá vốn hàng bán	879,17	931,84	-	5,99%	-
2	Chi phí tài chính	7,05	7,24	-	2,71%	-
3	Chi phí bán hàng	42,22	39,18	-	-7,20%	-
4	Chi phí QLDN	59,09	66,54	-	12,61%	-
5	Chi phí khác	0,43	0,40	-	-7,93%	-
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7,04	9,04	-	28,55%	-



Nhận xét chung:

Trong năm 2024, doanh thu thuần của TRA-SAS đạt 1.077,41 tỷ đồng, tăng 6,43% so với năm 2023. Lợi nhuận gộp cũng ghi nhận mức tăng trưởng 9,35%, đạt 145,57 tỷ đồng, cho thấy TRA-SAS đã kiểm soát tốt giá vốn và cải thiện biên lợi nhuận.

Bên cạnh đó, TRA-SAS đã tận dụng hiệu quả các khoản đầu tư hoặc tối ưu hóa dòng tiền nhân rồi, theo đó, hoạt động tài chính ghi nhận sự khởi sắc khi doanh thu tài chính tăng 10,09%, đạt 3,95 tỷ đồng. Một điểm đáng chú ý là lợi nhuận thuần từ HĐKD đạt 36,55 tỷ đồng, tăng mạnh 28,95%, phản ánh sự cải thiện đáng kể trong hiệu quả vận hành cốt lõi. Ngoài ra, lợi nhuận khác cũng tăng 29,27%, đạt 8,27 tỷ đồng.

Kết quả này giúp LNTT đạt 44,83 tỷ đồng và LNST đạt 35,78 tỷ đồng, tăng 29,12% so với năm 2023. Hơn nữa, cả hai chỉ tiêu này đều vượt kế hoạch năm 2024, lần lượt cao hơn 28,08% và 27,79% so với mục tiêu đề ra. Điều này cho thấy Công ty không chỉ đạt được kết quả kinh doanh vượt mong đợi mà còn có chiến lược phát triển đúng hướng, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững.

Về chi phí sản xuất kinh doanh, giá vốn hàng bán tăng 5,99%, thấp hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu, điều này giúp cải thiện biên lợi nhuận gộp của công ty. Một điểm tích cực khác là Chi phí bán hàng giảm 7,52%, góp phần tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh. Chi phí khác cũng giảm 7,93%, đây là khoản nhỏ, nhưng phản ánh sự kiểm soát tốt hơn các chi phí không thường xuyên hoặc bất thường của Công ty.

Bên cạnh đó, chi phí tài chính tăng nhẹ 2,71%, mức tăng nhẹ cho thấy Công ty vẫn kiểm soát được chi phí lãi vay. Đồng thời, chi phí QLDN tăng 12,61%, xuất phát từ việc Công ty đầu tư vào công tác quản trị và mở rộng quy mô hoạt động. Điều này có thể tạo áp lực lên lợi nhuận trong ngắn hạn nhưng cũng là bước đi cần thiết để xây dựng nền tảng phát triển dài hạn. Một điểm đáng lưu ý là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng mạnh 28,55%, cho thấy công ty đang đạt mức lợi nhuận cao hơn, dẫn đến nghĩa vụ thuế lớn hơn.

DOANH THU THUẦN

1.077,41 tỷ đồng

tăng **6,43%** so với năm 2023
vượt **7,74%** so với KH năm 2024

LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

36,55 tỷ đồng

tăng **28,95%** so với năm 2023
vượt **28,26%** so với KH năm 2024

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

44,83 tỷ đồng

tăng **29,10%** so với năm 2023
vượt **28,08%** so với KH năm 2024

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

35,78 tỷ đồng

tăng **29,12%** so với năm 2023
vượt **27,79%** so với KH năm 2024

Từ các kết quả trên, có thể thấy TRA-SAS đã có một năm hoạt động hiệu quả, Công ty đã triển khai những kế hoạch kinh doanh phù hợp, đi đúng phân khúc thị trường giúp Công ty đạt được doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch đặt ra.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG
CỦA TRA-SAS TÍNH
ĐẾN 31/12/2024 LÀ

230 NGƯỜI

TRA-SAS chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, với đội ngũ nhân sự trẻ trung và năng động. Công ty kết hợp giữa sự nhiệt huyết của tuổi trẻ và kinh nghiệm của ban quản lý để mang lại dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng.

TRA-SAS cam kết tạo ra một môi trường làm việc tích cực, nơi nhân viên được khuyến khích phát triển bản thân và đóng góp ý kiến. Công ty thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật liên quan đến xuất nhập khẩu và đảm bảo mọi hoạt động tuân thủ đúng quy định, tạo sự yên tâm cho nhân viên trong quá trình làm việc.

Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực toàn diện, TRA-SAS không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn xây dựng một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đáp

ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Các chính sách đào tạo và phát triển nhân sự của TRA-SAS:

- Đào tạo chuyên môn:
- TRA-SAS thường xuyên tổ chức các khóa học nghiệp vụ cơ bản và nâng cao, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước, nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng cho nhân viên. Đặc biệt, 100% nhân viên đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ khai báo hải quan do Tổng Cục Hải Quan tổ chức.

- Tương tác với chuyên gia: Công ty tạo điều kiện cho nhân viên gặp gỡ và học hỏi từ các chuyên gia trong ngành, cơ quan hải quan và các đối tác chiến lược, giúp giải quyết các thách thức trong công việc và cập nhật kiến thức mới nhất.
- Phát triển kỹ năng quản lý: TRA-SAS khuyến khích đội ngũ quản lý tham gia các chương trình MBA và các khóa học chuyên sâu, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý hiệu quả.



TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Danh sách Hội đồng Quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông ĐỖ VĂN MƯỜI	Chủ tịch HĐQT	1.108.818	16,94%
2	Ông NGUYỄN VĂN QUÝ	Thành viên HĐQT	1.311.021	20,03%
3	Ông TRẦN VIỆT HUY	Thành viên HĐQT	1.108.846	16,94%
4	Ông NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	Thành viên HĐQT không điều hành	314.052	4,80%
5	Ông LÊ QUÝ NGHĨA	Thành viên HĐQT	1.055.037 ^(*)	16,12% ^(*)

Ghi chú: ^(*) Đại diện phần vốn của Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Hợp Tác Đầu Tư Giao Thông Vận Tải.



2. Danh sách Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông PHẠM XUÂN KHỎA	Trưởng Ban Kiểm soát	8.454	0,13%
2	Bà TRẦN THỊ TUYẾT LINH	Thành viên Ban Kiểm soát	34.323	0,52%
3	Bà NGUYỄN THỊ VIỆT KIỂU	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0,00%

3. Danh sách Ban Điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông NGUYỄN VĂN QUÝ	Tổng Giám đốc	1.311.021	20,03%
2	Ông TRẦN VIỆT HUY	Giám đốc Điều hành	1.108.846	16,94%
3	Ông ĐỖ VĂN MƯỜI	Giám đốc Tài chính	1.108.818	16,94%
4	Ông HỒ TRỌNG BÌNH	Giám đốc Nghiệp vụ	101.160	1,55%

- Những thay đổi trong Ban Điều hành: Không có.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông ĐỖ VĂN MƯỜI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc Tài chính

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính;
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 1995-1997 : Financial controller - Rohlig Australia PTY Ltd;
- Từ 1997-2005 : Kế toán trưởng Xí nghiệp Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 2006-2020 : Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 21/09/2020 -17/03/2025 : Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng, Chủ tịch HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 17/03/2025 - nay : Giám đốc Tài chính, Chủ tịch HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.



Ông NGUYỄN VĂN QUÝ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế vận tải.

Quá trình công tác:

- 1993 – 1996 : Công ty Vitranschart;
- 1996 – 1998 : Giám đốc Trung tâm Giao nhận Xí Nghiệp Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- 1998 – 2006 : Giám đốc Xí Nghiệp Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- 2006 - 2020 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- 21/09/2020 - nay : Thành viên HĐQT ; Tổng Giám đốc Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.



Ông TRẦN VIỆT HUY
Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Điều hành

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân chuyên ngành Điện tàu thủy;
- Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 1995-1996 : Nhân viên dự án - Phili Orient Lines;
- Từ 1996-1998 : Trưởng Phòng - Phan Vũ Logistics;
- Từ 1998-2005 : Trưởng phòng, phó Giám đốc Xí nghiệp Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 2005 – nay : Giám đốc Điều hành, Thành viên HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.



Ông NGUYỄN THÀNH ĐỒNG
Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Quá trình công tác:

- Từ 1984 : Du học sinh tại Cộng Hòa Séc;
- Từ 1990 : Sống và làm việc tại Cộng Hòa Ba Lan;
- Từ 2003 : Chủ tịch Công ty CP Đầu tư Investone;
- Hiện nay : Chủ tịch Công ty CP Đầu tư Investone; Chủ tịch Cty CP Những trẻ em Vàng; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH APEX ; Thành viên HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Ông LÊ QUỲ NGHĨA
Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 09/2001 - 11/2002 : Phó GD TTKD XNK và DV Tổng hợp (Tracimexco);
- 11/2002 - 07/2003 : Phó Giám đốc Trung tâm XKLD (Tracimexco);
- 07/2003 - 12/2004 : Phó Giám Đốc Xí nghiệp Vận tải biển và DV Hàng hải (TRA-SAS);
- 12/2004 - 04/2007 : Trưởng phòng KD XNK (Tracimexco);
- 04/2007 - 04/2010 : Bí thư chi bộ, Giám đốc Nhà máy SX Lắp ráp và đóng mới ô tô buýt;
- 04/2010 - 12/2014 : Trưởng phòng Kế hoạch KD Công ty Tracimexco;
- 01/2015 - 02/2015: Phó Tổng giám đốc công ty Tracimexco;
- 06/2010 - 06/2015 : Đảng ủy viên Đảng ủy Công ty Tracimexco;
- 12/2013 - 12/2018: Phó chủ tịch Công đoàn Công ty Tracimexco;
- 01/2009 – 07/2023: Ủy viên Hội đồng Quản trị (Hội đồng thành viên) Công ty Tracimexco;
- 02/2015 – 07/2023: Tổng giám đốc Công ty CP XNK và Hợp tác Đầu tư GTVT (Tracimexco);
- 06/2015 – 07/2023: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Tracimexco;
- 08/2015 – 07/2023: Ủy viên BCH Đảng bộ Khối Cơ sở Bộ GTVT;
- 07/2023 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cp Tracimexco;
- 07/2023- nay: Bí thư Đảng ủy Công ty CP Tracimexco.

SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông PHẠM XUÂN KHỎA
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân.

Quá trình công tác:

- Từ : Tháng 10/2008 -11/2015 : Nhân viên kế toán Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ tháng 12/2015 - 04/2023: Kế toán trưởng Chi nhánh - Cty CP Vận Tải và Dịch Vụ Hàng Hải Tại Hà Nội;
- Từ 05/2023 - nay: Nhân viên văn phòng – Trưởng Ban Kiểm soát Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.

Bà TRẦN THỊ TUYẾT LINH
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Khoa học.

Quá trình công tác:

- Từ 1998-2001 : Nhân viên XNK Công ty Giày Da Huê Phong;
- Từ 2003-2005: Nhân viên Phòng Kinh doanh Xí Nghiệp vận tải biển;
- Từ 2005-2007 : Nhân viên Phòng Kinh doanh Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 2008- 04/2023: Phó phòng Khai Thác Vận Hành Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 05/2023 - nay: Phó phòng Khai Thác Vận Hành; Thành viên Ban Kiểm soát Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.

Bà NGUYỄN THỊ VIỆT KIỀU
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

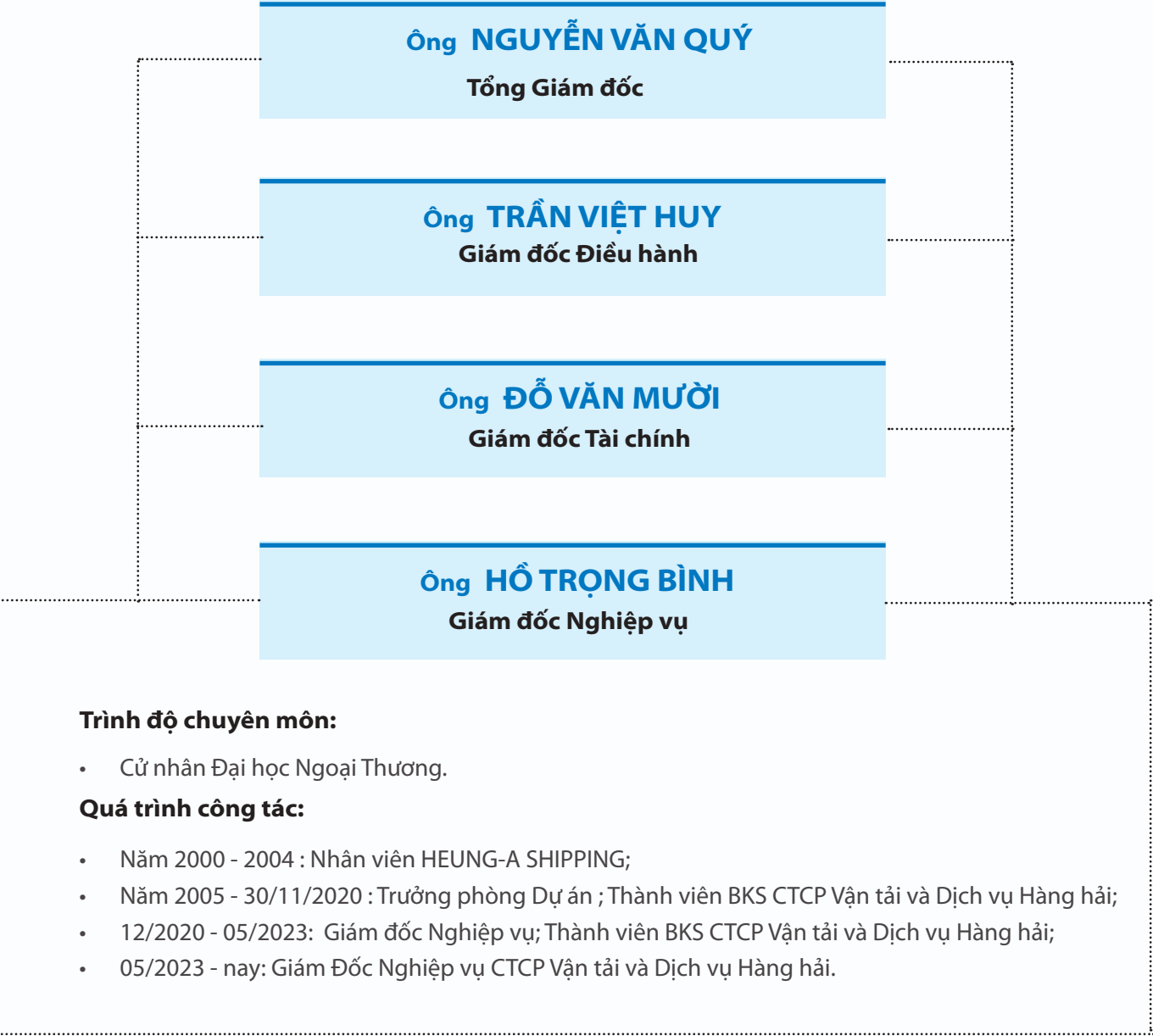
- Cử nhân Luật quốc tế.

Quá trình công tác:

- Từ 07/2018 đến 04/2020 : Chuyên viên Nhân sự - Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng;
- Từ 05/2020 đến 04/2023 :Chuyên viên Tuyển dụng – Đào tạo - Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 05/2023 đến 05/2024 : Chuyên viên Tuyển dụng – Đào tạo ; Thành viên Ban kiểm soát Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 06/2024 - nay : Phó phòng Hành chính Nhân sự , Thành viên Ban Kiểm soát Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng / giảm
1	Tổng giá trị tài sản	394,81	452,80	14,69%
2	Doanh thu thuần	1.012,29	1.077,41	6,43%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28,35	36,55	28,95%
4	Lợi nhuận khác	6,40	8,27	29,27%
5	Lợi nhuận trước thuế	34,75	44,83	29,01%
6	Lợi nhuận sau thuế	27,71	35,78	29,12%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	58,93%	N/A	N/A



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023	Năm 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,36	1,40
	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,15	1,16
	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	40,76	41,64%
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	68,80	71,36%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	25,89	25,03
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,56	2,54
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,74	3,32%
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,85	13,54%
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,02	7,90%
+	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,80	3,39%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(tại thời điểm 31/12/2024)

1. CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
6.544.268	Cổ phần phổ thông	6.544.268	0

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TT	Loại cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông nhà nước	0	0,00%	0
II	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn cổ phần	4.976.650	76,05%	5
1	Trong nước	4.976.650	76,05%	5
1.1	Cá nhân	3.921.613	59,92%	4
1.2	Tổ chức	1.055.037	16,12%	1
2	Nước ngoài	0	0,00%	0
2.1	Cá nhân	0	0,00%	0
2.2	Tổ chức	0	0,00%	0
III	Cổ phiếu quỹ	12.100	0,18%	1
IV	Cổ đông khác	1.555.518	23,77%	150
1	Trong nước	1.555.518	23,77%	150
1.1	Cá nhân	1.337.781	20,44%	147
1.2	Tổ chức	217.737	3,33%	3
2	Nước ngoài	0	0,00%	0
2.1	Cá nhân	0	0,00%	0
2.2	Tổ chức	0	0,00%	0
Tổng cộng		6.544.268	100%	156

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	NGUYỄN VĂN QUÝ	1.311.021	20,03%
2	ĐỖ VĂN MƯỜI	1.108.818	16,94%
3	TRẦN VIỆT HUY	1.108.846	16,94%
4	CTCP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI	1.055.037	16,12%
5	NGUYỄN NHƯ SONG	392.928	6,00%

4. THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

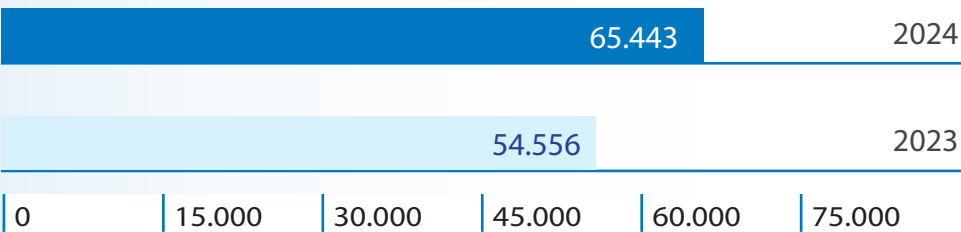
Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với các thông tin cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.088.648 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 10.886.480.000 đồng.
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 05/08/2024.

Theo đó, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải đã tăng từ 54.556.200.000 đồng, lên 65.442.680.000 đồng.

Vốn điều lệ

Đơn vị tính: triệu đồng



BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

1. Tác động lên môi trường

TRA-SAS cam kết theo dõi và đánh giá lượng phát thải khí nhà kính từ các hoạt động vận tải và dịch vụ hàng hải, nhằm hiểu rõ tác động của mình đối với môi trường và triển khai các biện pháp giảm thiểu phù hợp. Hơn nữa, Công ty tận dụng các nguồn nhiên liệu thân thiện với môi trường, đồng thời tối ưu hóa hành trình vận tải nhằm nâng cao hiệu suất tiêu thụ nhiên liệu và giảm thiểu lượng khí thải phát sinh.



Bên cạnh đó, công ty ứng dụng công nghệ tiên tiến trong vận hành để kiểm soát và hạn chế khí thải ra môi trường, góp phần bảo vệ hệ sinh thái. Ngoài ra, TRA-SAS còn hợp tác chặt chẽ với các tổ chức môi trường và đối tác chiến lược để triển khai các dự án bù đắp carbon, hướng tới phát triển bền vững và giảm tác động tiêu cực đến biến đổi khí hậu.

2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng và nước

Để quản lý nguồn nguyên vật liệu, Công ty sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách có kế hoạch, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất và vận hành, đồng thời tối ưu hóa để giảm thiểu lãng phí. Việc quản lý nguyên vật liệu không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn góp phần giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

Về tiêu thụ năng lượng, Công ty cũng tập trung tối ưu hóa hiệu suất sử dụng nhiên liệu trên các phương tiện vận tải bằng cách áp dụng công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến. Nhờ đó, hoạt động vận tải trở nên hiệu quả hơn, giảm tiêu hao nhiên liệu và nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

Về tiêu thụ nước, Công ty sử dụng nước từ các nguồn cung cấp đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận hành, đồng thời thực hiện các biện pháp quản lý hiệu quả để hạn chế lãng phí. Quá trình giám sát và tối ưu hóa tiêu thụ nước được thực hiện định kỳ nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên này.



3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

TRA-SAS cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường, áp dụng các biện pháp kiểm soát để hạn chế tối đa rủi ro vi phạm. Công ty thường xuyên rà soát và cập nhật chính sách quản lý môi trường nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành,

hạn chế các trường hợp bị xử phạt. Song song với việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý, công ty cũng chủ động triển khai các sáng kiến bền vững nhằm nâng cao trách nhiệm môi trường trong toàn bộ hoạt động kinh doanh và vận hành.

5. Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

TRA-SAS tích cực tham gia vào các hoạt động phát triển cộng đồng nhằm đóng góp cho xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. Công ty tài trợ cho các dự án giáo dục, y tế và môi trường, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng. Ngoài ra, công ty cũng

tham gia vào các chương trình bảo vệ môi trường, như trồng cây xanh, bảo vệ nguồn nước và tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu. Những hoạt động này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội mà còn giúp công ty xây dựng mối quan hệ bền vững với cộng đồng.

6. Báo cáo về hoạt động thị trường vốn xanh

TRA-SAS hướng đến phát triển bền vững thông qua việc tham gia các hoạt động tài chính xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn về phát triển bền vững trong hoạt động đầu tư và tham gia các dự án tài chính hỗ trợ môi trường.

Việc tiếp cận thị trường vốn xanh không chỉ giúp công ty mở rộng cơ hội tài chính mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Những sáng kiến này góp phần nâng cao giá trị doanh nghiệp và thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư.



BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

7. Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số người lao động năm 2024
230 NGƯỜI

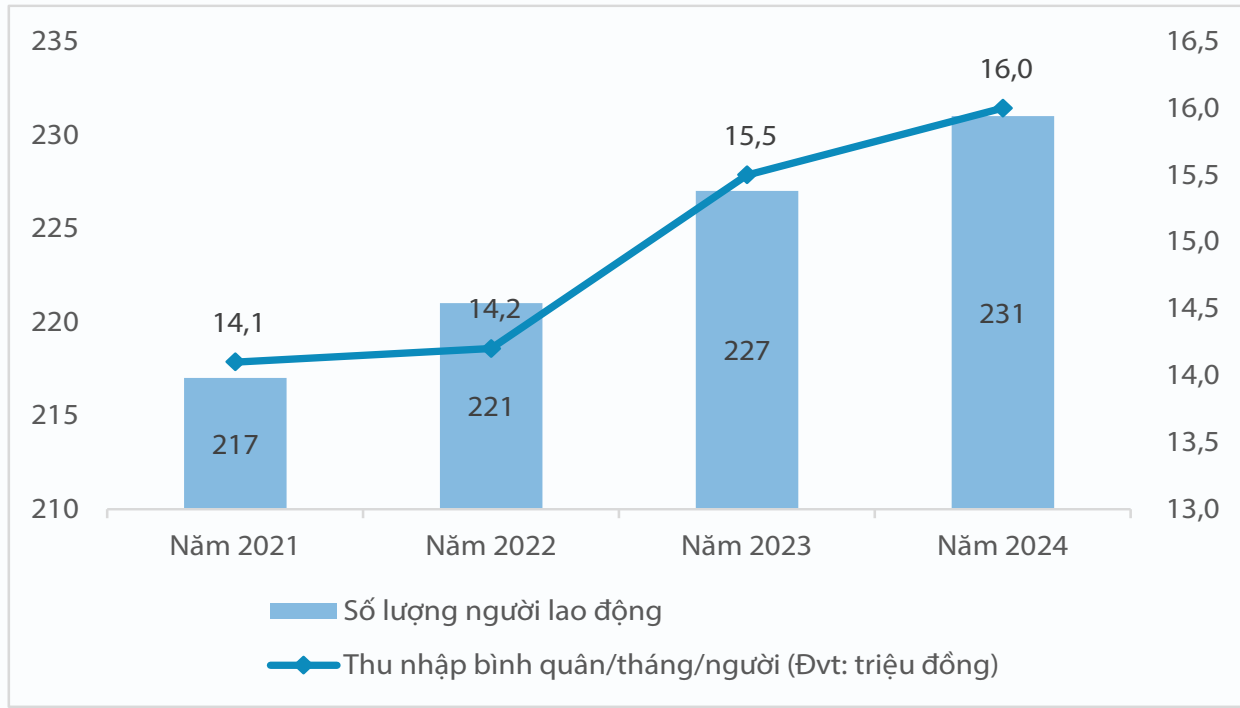
TRA-SAS luôn đặt con người làm trung tâm trong chiến lược phát triển, đảm bảo việc làm ổn định và mức lương phù hợp cho người lao động. Công ty xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện và hỗ trợ sự phát triển lâu dài của nhân viên.

Để đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, công ty áp dụng nhiều chính sách bảo hiểm, chăm sóc y tế và cải thiện

điều kiện làm việc. Đồng thời, các chương trình đào tạo được tổ chức định kỳ nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng cho nhân viên.

Bên cạnh đó, công ty triển khai nhiều chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục, giúp nhân viên thích nghi với sự thay đổi của ngành, đảm bảo cơ hội thăng tiến và phát triển sự nghiệp bền vững.

Biểu đồ số lượng CBNV và thu nhập bình quân giai đoạn 2021 -2024



III.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA **BAN ĐIỀU HÀNH**

- 52 Đánh giá kết quả hoạt động năm 2024
- 56 Các tiến bộ Công ty đạt được
- 60 Báo cáo tình hình tài chính
- 62 Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TRA-SAS NĂM 2024

Khó khăn - Thách thức của thị trường Logistics

1. Gia tăng xung đột vũ trang và rủi ro địa chính trị

Liên quan đến xung đột vũ trang đang diễn ra ở Trung Đông, các cuộc tấn công vào tàu thuyền ở Biển Đỏ và xung đột vẫn tiếp diễn tại Ukraine. Các xung đột diễn ra trên thế giới gia tăng khiến nguồn cung dầu bị gián đoạn đáng kể, giá hàng hóa sẽ tăng đột biến, chi phí vận chuyển leo thang.

Ngoài ra, các lệnh trừng phạt kinh tế, đóng cửa cảng biển tại khu vực xung đột và sự bất ổn của tỷ giá hối đoái làm tăng chi phí hoạt động cho doanh nghiệp logistics. Những biến động này không chỉ làm giảm hiệu quả vận hành mà còn kéo dài thời gian giao hàng, ảnh hưởng đến độ

tin cậy của các chuỗi cung ứng. Sự thay đổi nhà lãnh đạo Mỹ dự báo chiến tranh thương mại có thể leo thang hơn nữa trước những chính sách được cho là Nhà Trắng sẽ áp dụng.

2. Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao

Ngành logistics Việt Nam vẫn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm và phát triển nhân lực có kỹ năng chuyên sâu. Sự thiếu hụt nhân viên có chuyên môn về quản lý chuỗi cung ứng, công nghệ thông tin và logistics quốc tế

đang cản trở sự phát triển của ngành. Nguồn nhân lực logistics của Việt Nam không những thiếu về số lượng mà còn yếu về chất lượng. Nguồn nhân lực được đào tạo chuyên ngành logistics còn thiếu, chưa đáp ứng

được yêu cầu, đặc biệt là thiếu các nhân sự logistics trình độ cao, có năng lực ứng dụng và triển khai các công nghệ mới tại các doanh nghiệp.

3. Chi phí vận chuyển tăng cao

Mặc dù cơ sở hạ tầng giao thông đang được cải thiện, nhưng chi phí vận chuyển vẫn còn cao. Hoạt động vận tải biển trong nước chịu ảnh hưởng rất nhiều từ tình hình vận tải biển trên thế giới làm cho giá cước tăng cao và thay đổi hàng tuần, khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn.

Chỉ trong vòng hai tháng, từ tháng 4 đến tháng 6/2024, cước vận tải biển từ các cảng ở Thành phố Hồ Chí Minh đi Mỹ, châu Âu đã tăng tới 300%, từ 2.950 USD lên 7.350 USD đối với mỗi container loại 40 feet. Việc biến động giá cước nhanh chóng như trên do tác động của các yếu tố như

xung đột Nga-Ukraine, tình hình căng thẳng tại Biển Đỏ, hay tình trạng khô hạn kéo dài tại kênh đào Panama. Điều này làm giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp logistics Việt Nam so với các đối thủ quốc tế.

4. Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành

Ngành logistics đang phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, từ nội địa lẫn quốc tế. Các tập đoàn logistics toàn cầu có tiềm lực tài chính mạnh và mạng lưới rộng lớn có thể gây áp lực lớn lên các doanh nghiệp logistics trong nước, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Song đa phần các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế cả về vốn và nhân lực cũng như kinh nghiệm hoạt động quốc tế, chưa có sự liên kết giữa các khâu trong chuỗi cung ứng logistics. Phần lớn thị phần logistics vẫn do các công ty nước ngoài nắm giữ, lên đến 70-80%. Trong khi đó, trong năm 2024,

xuất hiện các thương vụ M&A giữa các tập đoàn logistics; hoặc các thương vụ M&A giữa các hãng tàu mua lại các tập đoàn logistics để thực hiện chiến lược mở rộng hoạt động sang thị trường logistics, như:

- Maersk đã có những khoản đầu tư dọc theo chuỗi cung ứng nhiều hơn khi mua lại LF Logistics, HUUB hay B2C Europe..., những thương vụ giúp Maersk mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực logistics cho thương mại điện tử hay giao hàng chặng cuối; hướng đến trở thành một nhà cung cấp dịch vụ logistics tích hợp

với khả năng cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng.

- Hãng tàu MSC chi 6,3 tỉ USD mua lại Bolloré Africa Logistics để mở rộng phạm vi hoạt động tại châu Phi
- Tập đoàn CMA-CGM đã hoàn tất thương vụ mua lại Bolloré Logistics từ tập đoàn vận tải Bolloré Group với mục tiêu cung cấp cho khách hàng dịch vụ toàn diện và mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới.

Theo xu hướng phát triển theo chiều hướng cung cấp dịch vụ logistics trọn gói cho khách hàng, các hãng tàu với lợi thế về đội tàu sẵn có đều có động thái mua lại các tập đoàn logistics lớn.

5. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) , tự động hóa (RPA)

Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ hiện đại. Đây là bước đi tất yếu trong bối cảnh ngành logistics đối mặt với áp lực tối ưu hóa chi phí, tăng hiệu quả vận hành và đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng phức tạp. Các giải pháp công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain,

hoặc hệ thống quản lý vận tải (TMS) không chỉ cải thiện khả năng quản lý mà còn giúp doanh nghiệp gia tăng tính minh bạch và giảm thiểu sai sót trong chuỗi cung ứng. Đặc biệt là giải pháp tự động hóa quy trình bằng robot (RPA), cho phép tự động hóa các tác vụ

thông thường, thủ công và lặp lại trong quy trình nghiệp vụ. Áp dụng robot sẽ là tương lai tất yếu của ngành logistic, song giải pháp này hiện yêu cầu phải có vốn đầu tư lớn, nên hiện tại giải pháp bán tự động vẫn là lựa chọn của hầu hết các doanh nghiệp.

6. Xu hướng phát triển logistics xanh, giảm phát thải và thực hành ESG

Giảm lượng khí thải carbon trở thành ưu tiên hàng đầu của nhiều doanh nghiệp logistics toàn cầu. Trước các cam kết giảm phát thải và yêu cầu khắt khe hơn từ thị trường quốc tế, giải pháp đầu tư vào đội xe điện, nhà kho thông minh tiết kiệm năng lượng và sử dụng vật liệu tái chế trong đóng

gói đang được các doanh nghiệp hướng đến. Hiện tại theo khảo sát của Vietnam Report, 28,8% số doanh nghiệp logistics đang ở giai đoạn lập kế hoạch ESG, 31,2% số doanh nghiệp đã lập và triển khai một phần cam kết ESG, song chưa có doanh nghiệp đã triển khai toàn diện. Kết quả khảo sát

này cho thấy việc triển khai ESG, chuyển đổi một sớm một chiều. logistics xanh, phát triển bền vững đang là bài toán cần lời giải trong dài hạn khi logistics gắn liền với hoạt động vận tải – lĩnh vực tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch lớn và chưa thể chuyển đổi một sớm một chiều.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TRA-SAS NĂM 2024 (tiếp theo)

Thuận lợi

1

Ngành logistics Việt Nam đang có những bước chuyển mình quan trọng nhờ sự đồng hành và hỗ trợ từ Chính phủ.

Chính phủ đã tập trung cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là tại hải quan và các cơ quan kiểm tra chuyên ngành, giúp giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Các cảng biển chiến lược như Lạch Huyện (Hải Phòng) và Cái Mép - Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu) tiếp tục được đầu tư nâng cấp, tạo động lực thúc đẩy vận tải biển, một trong những phân khúc chủ lực của logistics.

Ngoài ra, các chính sách xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư quốc tế và tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới cũng đang được Chính phủ tích cực triển khai.

2

Năm 2024, ngành logistics Việt Nam chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ, nhờ tăng trưởng xuất khẩu .

Xuất khẩu Việt Nam 10 tháng năm 2024 tăng trưởng 14,9%, đạt 335,6 tỷ USD sau giai đoạn sụt giảm trong năm 2023. Những ngành hàng chủ lực như điện tử, dệt may, và nông sản tiếp tục dẫn đầu với đóng góp quan trọng vào tổng kim ngạch xuất khẩu. Sự phục hồi xuất khẩu kéo theo sự tăng trưởng tích cực trong ngành logistics.

Tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển thông qua các cảng biển ước tính tăng khoảng 14% trong 10 tháng năm 2024, đạt trên 570 triệu tấn.

3

Hạ tầng logistics Việt Nam phát triển nhanh với nhiều công trình lớn, hiện đại, thúc đẩy cơ cấu hợp lý, kết nối hài hòa các phương thức vận tải, bao gồm hệ thống giao thông, sân bay, cảng biển, hạ tầng điện, sóng Internet; đang thúc đẩy khai thác, phát triển không gian biển, không gian vũ trụ, không gian ngầm...

4

Các động lực tăng trưởng chính của thị trường logistics toàn cầu năm 2024 tiếp tục là sự phát triển của thương mại điện tử. Sự tăng trưởng vượt bậc của thương mại điện tử toàn cầu lại càng cộng hưởng lớn hơn khi các doanh nghiệp logistics sử dụng AI. AI cho phép các nền tảng thương mại điện tử phân tích quy mô dữ liệu lớn, tối ưu chiến lược giá và tăng cường sự trải nghiệm và sự trung thành của khách hàng.

Thị trường thương mại điện tử Việt Nam đã ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng trong 3 năm trở lại đây, tạo đà bứt phá cho ngành logistics, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp sản xuất và thương mại. Điều này cho thấy sự gia tăng nhu cầu thực hiện hoạt động logistics cho hoạt động thương mại điện tử.

5

Nhìn vào bức tranh chung của ngành Logistics Việt Nam trong những năm gần đây, doanh nghiệp nội địa vẫn có một số lợi thế hơn doanh nghiệp nước ngoài: Thứ nhất, các doanh nghiệp Việt Nam thừa hưởng và sở hữu phần lớn kho bãi có khả năng tiết kiệm chi phí logistics do tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực hiện tại như phương tiện vận tải, kho bãi, và Doanh nghiệp nước ngoài phải thuê lại hoặc liên kết, liên doanh để phục vụ dịch vụ Logistics; Thứ hai, về nhân sự, lao động được cải thiện về kiến thức qua đào tạo, nhanh nhạy nên dễ dàng nắm bắt các quy trình, công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

CÁC TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2024

Vị thế của Công ty trong ngành

Trải qua gần 29 năm hình thành và phát triển, đến nay Công ty đã xây dựng được một chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín cho lĩnh vực giao nhận hàng hóa: vận tải biển và hàng không quốc tế, thủy bộ trong nội địa, khai thuê hải quan, thương mại, giải pháp tài chính tài trợ cho các thuế Nhập khẩu, kho bãi và quản lý tồn kho, giao hàng đến hệ thống phân phối và siêu thị... So với các đơn vị khác hoạt động cùng lĩnh vực, lợi thế của TRA-SAS là có cơ sở vật chất kỹ thuật được trang bị tốt và hiện đại cùng đội ngũ nhân viên có trình độ nghiệp vụ giao nhận chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường.

Có mạng lưới chi nhánh, văn phòng đại diện ở các khu vực và cảng biển quan trọng của Việt Nam (TP. HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Hà Nội).

Khả năng cạnh tranh cao nhờ quy trình dịch vụ được tổ chức khép kín từ khâu Tiếp nhận – Vận chuyển – Lưu kho bãi – Thu gom hàng hóa. Trong đó, điểm mạnh của Công ty là có hệ thống kho bãi rộng lớn, hệ thống xe đầu kéo vận chuyển chuyên nghiệp, đội ngũ lãnh đạo, nhân viên giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực Thủ tục hải quan, vận tải, giao nhận vận chuyển hàng hóa.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đặc biệt trong ngành Sản xuất công nghiệp, Hoá chất và hàng nguy hiểm thực sự đang đóng vai trò quan trọng và hiện diện trong hầu hết các cơ sở sản xuất. Song việc quản lý, vận chuyển và lưu trữ Hóa chất và hàng nguy hiểm đạt hiệu quả vẫn là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp, vì số lượng Kho Hàng Hóa chất và Nguy hiểm được cấp phép theo đúng quy định Nhà nước Việt Nam chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong Tổng số Cơ sở kinh doanh Kho Vận hiện nay. Năm bắt được xu hướng tất yếu trong ngành Cung ứng, TRA-SAS bằng mọi nỗ lực của mình đã xây dựng, hoàn thiện Kho Hóa Chất và Hàng Nguy Hiểm tại Cụm Khu Công Nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, với tổng diện tích xây dựng hơn 16,800 m2. Dự án Kho Hóa Chất Và Hàng Nguy Hiểm được TRA-SAS tập trung đầu tư xây dựng với quy mô lớn, hiện đại và đạt các tiêu chuẩn công nghiệp cao nhất về an toàn cháy nổ.



CÁC TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2024

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC (tiếp theo)

Thương hiệu

Trong những năm qua, Công ty đã mạnh dạn đầu tư cơ sở vật chất mới, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành khai thác kho bãi, xây dựng đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu cao của ngành dịch vụ. Công ty hiện đang sở hữu nguồn nhân sự năng động, hướng đến mục tiêu cung ứng dịch vụ đạt chất lượng cao, tăng cường quản trị tài chính hiệu quả, đủ năng lực tiếp cận và khách hàng có quy mô lớn.

Trong năm 2024, Doanh nghiệp đã đạt được Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu phát triển quan hệ đối tác hải quan - doanh nghiệp 2024 do Tổng cục Hải quan bình chọn.

Về bộ máy quản trị, điều hành

Hệ thống quản trị, Bộ máy điều hành cải tiến liên tục theo hướng đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tiến trình phát triển và hội nhập. Tiếp cận mô hình quản trị điều hành theo các chuẩn mực và xu hướng quốc tế (ISO, ESG, AI, RPA..)

Về nguồn nhân lực

Thành viên HĐQT và Ban điều hành là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực vận tải, luôn hướng đến sử dụng công nghệ nhằm tăng hiệu quả và kỹ năng quản trị Công ty. Tất cả cán bộ quản lý điều hành của Công ty đều có trình độ đại học hoặc sau đại học, làm việc nhiều năm trong ngành dịch vụ, cán bộ kinh doanh có kỹ năng chuyên môn tốt, nhanh nhạy và am hiểu thị trường, gắn bó với lợi ích lâu dài của công ty

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NĂM 2024

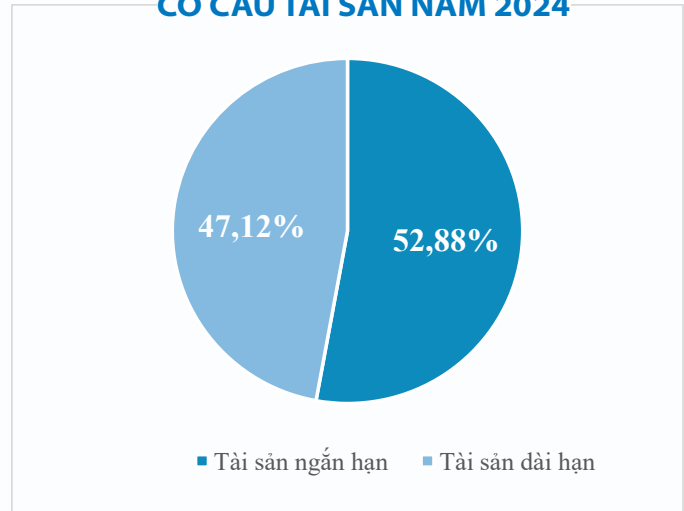
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024
I	Tài sản ngắn hạn	213.386.222.644	239.428.555.635
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	23.360.742.280	16.705.919.363
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	306.053.000	369.164.066
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	141.924.217.436	165.494.853.212
-	Hàng tồn kho	34.252.819.836	40.211.515.541
-	Tài sản ngắn hạn khác	13.542.390.092	16.647.103.453
II	Tài sản dài hạn	181.423.084.183	213.367.543.904
-	Các khoản phải thu dài hạn	-	2.478.484.000
-	Tài sản cố định	171.811.482.126	186.811.328.734
-	Tài sản dở dang dài hạn	-	18.389.147.205
-	Tài sản dài hạn khác	9.611.602.057	5.688.583.965
@	TỔNG TÀI SẢN	394.809.306.827	452.796.099.539

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của TRA-SAS

CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2024



TỔNG TÀI SẢN

↑ 14,69 %

SO VỚI NĂM 2023

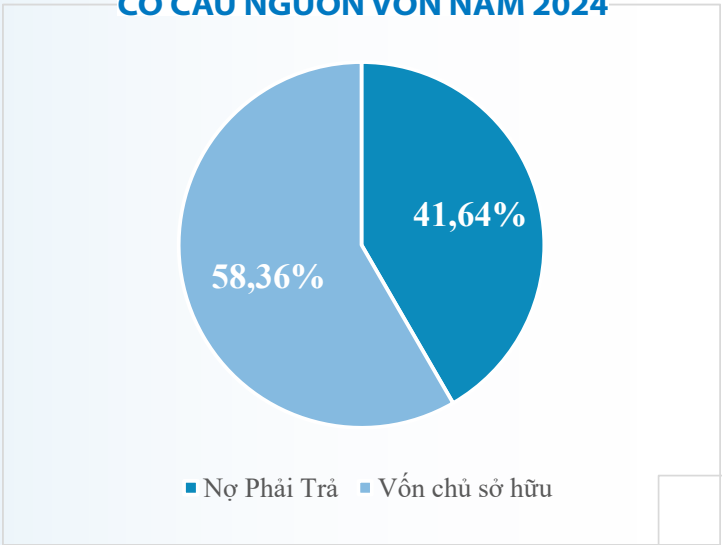
TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: đồng

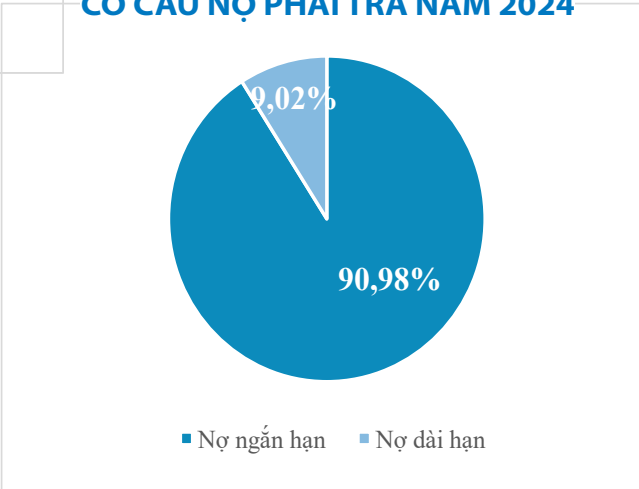
TT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024
I	Nợ phải trả	160.916.580.025	188.564.875.455
-	Nợ ngắn hạn	156.387.656.891	171.554.054.437
-	Nợ dài hạn	4.528.923.134	17.010.821.018
II	Vốn chủ sở hữu	233.892.726.802	264.231.224.084
@	TỔNG NGUỒN VỐN	394.809.306.827	452.796.099.539

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của TRA-SAS

CƠ CẤU NGUỒN VỐN NĂM 2024



CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ NĂM 2024



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động năm 2024, bám sát định hướng phát triển trung hạn và tận dụng các cơ hội từ bối cảnh thị trường, TRA-SAS xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu trọng yếu nhằm củng cố nền tảng tăng trưởng bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động và gia tăng giá trị cho cổ đông.

Đơn vị tính: nghìn đồng

CÁC CHỈ TIÊU
KẾ HOẠCH CHÍNH
NĂM 2025

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
Doanh thu thuần	1.077.410.531	1.185.000.000
Lợi nhuận HĐKD	36.554.213	40.200.000
Lợi nhuận trước thuế	44.826.605	49.500.000
Lợi nhuận sau thuế	35.782.017	39.600.000

Năm 2024, tiếp tục diễn ra những biến động và suy thoái kinh tế, Công ty đã cố gắng phục hồi và triển khai các kế hoạch kinh doanh phù hợp để giúp doanh nghiệp phát triển bởi những ảnh hưởng vô cùng to lớn trong thời điểm nền kinh tế thế giới nhiều biến động.

Hiện tại, tuy năm 2024 Công ty đã đạt được những thành công khá tốt so với kế hoạch đã đề ra. Nhưng công ty cũng đã xem xét thận trọng và đặt ra kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025 sẽ đạt được doanh thu, lợi nhuận cao hơn không quá 10% so với năm 2024. Nguyên nhân:

- Tình hình kinh tế năm 2025 tiếp tục có dấu hiệu suy giảm do ảnh hưởng bởi những bất ổn địa chính trị (Nga- Ukraina – NATO; hoặc Mỹ - Trung Quốc) có khả năng ảnh hưởng đến sản lượng xuất nhập khẩu, chi phí vận chuyển...
- Chiến tranh thương mại từ các chính sách thuế quan của Mỹ.
- Sự phát triển mạnh mẽ của Công nghệ AI/ RPA.
- Xu hướng phát triển logistics xanh và thực hành ESG.

CƠ SỞ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH



Kế hoạch
đầu tư mở rộng
HĐKD

- Tăng cường bổ sung việc tiếp thị cũng như quảng bá hình ảnh và dịch vụ của Kho hàng hóa là hóa chất và hàng nguy hiểm tại Cụm Công Nghiệp huyện Nhơn Trạch – Đồng Nai, bổ sung năng lực hoạt động kho vận của Công ty và phục vụ cho lĩnh vực mà nhà nước cần tăng cường quản lý đặc biệt với yêu cầu an toàn cao.
- Triển khai, xây dựng văn phòng mới của Công ty tại Thành Phố Thủ Đức tạo tiền đề nâng cao hình ảnh, chất lượng dịch vụ cũng như môi trường làm việc hiện đại toàn diện
- Đẩy mạnh liên kết với đối tác nước ngoài cung ứng dịch vụ cho các nhà máy lớn đang đầu tư vào Việt Nam.
- Chú trọng tìm kiếm khách hàng là nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường Việt Nam và tham gia vào dịch vụ cước quốc tế.
- Chú trọng phát triển mảng vận chuyển nội địa, mở rộng đầu tư vào kho bãi.
- Chú trọng việc đầu tư về Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, tự động hóa quy trình bằng robot (RPA), hệ thống quản lý vận tải (TMS), hệ thống quản lý tài chính (SAP).



Công tác
quản lý Công ty

- Tăng cường giám sát và triển khai thực hiện việc quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ sửa đổi và các Quy chế quản lý nội bộ đã ban hành.
- Tập trung cải thiện năng lực thực thi của các phân đoạn tham gia vào chuỗi dịch vụ logistics, trong đó nâng cao năng lực vận tải nội địa, đầu tư thêm phương tiện vận tải.
- Chú trọng đến chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất, giảm thiểu những sai sót nghiệp vụ.
- Hợp lý hóa các chi phí để tăng hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm các chi phí văn phòng, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí làm hàng, chi phí thuê dịch vụ ngoài.
- Duy trì nhân sự hợp lý, tinh gọn đối với nhân viên hiện trường và nhân viên nghiệp vụ trong văn phòng, thu hút nhân viên bán hàng có chất lượng bằng chính sách thu nhập và khen thưởng phù hợp.

IV.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 68 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 68 Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

Tình hình chung của thị trường logistics năm 2024

Năm 2024, thị trường logistics toàn cầu tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ nhờ sự phục hồi của thương mại quốc tế và những đột phá trong công nghệ vận tải. Theo Precedence Research, quy mô thị trường logistics toàn cầu dự kiến đạt 11,9 nghìn tỷ USD vào cuối năm 2024, với tốc độ tăng trưởng hàng năm khoảng 9,35% trong giai đoạn 2024-2033. Các xu hướng chủ đạo bao gồm chuyển đổi số, logistics xanh, tối ưu hóa chuỗi cung ứng bằng AI, cùng với sự phát triển của trung tâm logistics thông minh và thương mại điện tử xuyên biên giới. Nhiều tập đoàn logistics lớn như Maersk, DHL, và FedEx đang đầu tư mạnh vào tự động hóa kho bãi, sử dụng xe tải điện và tối ưu hóa chuỗi cung ứng toàn cầu nhằm nâng cao hiệu suất vận hành và giảm phát thải carbon.

Tại Việt Nam, ngành logistics tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực với tốc độ 14-16%/năm, đạt quy mô khoảng 40-42 tỷ USD vào cuối năm 2024. Với lợi thế nằm trong khu vực kinh tế năng động nhất thế giới, Việt Nam hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do (FTAs), sự phát triển của các khu thương mại tự do (FTZ) và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc các doanh nghiệp FDI gia tăng đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất và thương mại điện tử, đang thúc đẩy nhu cầu vận tải, kho bãi và giao nhận hàng hóa.

Tuy nhiên, thị trường logistics Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, chi phí logistics cao (chiếm 16-17% GDP, cao hơn mức trung bình 10-12% của thế giới), thiếu hụt nhân lực chất lượng cao, và sự phụ thuộc lớn vào vận tải đường bộ. Đồng thời, các doanh nghiệp logistics Việt Nam cần nhanh chóng thích ứng với xu hướng logistics xanh, áp dụng công nghệ AI, blockchain, và tối ưu hóa chuỗi cung ứng số hóa để nâng cao khả năng cạnh tranh.

Với tốc độ tăng trưởng cao và sự hỗ trợ từ chính sách chính phủ, logistics Việt Nam có triển vọng trở thành trung tâm logistics của khu vực Đông Nam Á trong những năm tới. Việc đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng logistics, xây dựng các trung tâm logistics hiện đại, ứng dụng công nghệ vào quản lý chuỗi cung ứng, cùng với sự phát triển của cảng biển, đường sắt và hệ thống kho vận thông minh, sẽ giúp giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh. Dự kiến, đến năm 2030, Việt Nam có thể giảm tỷ trọng chi phí logistics xuống còn 12-14% GDP và tăng tỷ lệ doanh nghiệp logistics nội địa có khả năng cạnh tranh toàn cầu.

Nhìn chung, thị trường logistics Việt Nam năm 2024 đầy tiềm năng nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức. Để tận dụng tối đa cơ hội, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh chuyển đổi số, mở rộng quy mô, tối ưu hóa chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch 2024	% (+/-)TH năm 2024 / TH năm 2023	% (+/-) TH Năm 2024 / KH Năm 2024
1	Doanh thu thuần	1.012,29	1.077,41	1.000,00	6,43%	7,74%
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	28,35	36,55	28,50	28,92%	28,24%
3	Lợi nhuận trước thuế	34,75	44,83	35,00	29,00%	28,09%
4	Lợi nhuận sau thuế	27,71	35,78	28,00	29,12%	27,78%

Năm 2024, công ty đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng khi tất cả các chỉ tiêu quan trọng đều ghi nhận mức tăng trưởng mạnh so với năm 2023 và vượt xa kế hoạch đề ra. Doanh thu thuần đạt 1.077,41 tỷ, tăng 6,43% so với năm trước (1.012,29 tỷ) và vượt kế hoạch 7,74%, phản ánh sự mở rộng hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Đáng chú ý, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh 28,92%, đạt 36,55 tỷ, cao hơn kế hoạch 28,24%, cho thấy công ty đã cải thiện hiệu suất hoạt động đáng kể. Lợi nhuận trước thuế cũng tăng 29,00%, đạt 44,83 tỷ, vượt kế hoạch 28,09%, thể hiện khả năng tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả tài chính. Tương tự, lợi nhuận sau thuế đạt 35,78 tỷ, tăng 29,12% so với năm 2023 và vượt kế hoạch 27,78%, khẳng định sự tăng trưởng bền vững trong hiệu suất sinh lời. Nhìn chung, mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2024 của Công ty có sự tăng trưởng, nhưng chi phí quản lý cũng gia tăng đáng kể. Công ty cần có chính sách phù hợp để kiểm soát, cắt giảm những chi phí không hợp lý. Công tác quản lý, quản trị nội bộ cần tiếp tục cải tiến để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong HĐKD cũng như tốc độ phát triển của công ty.

Về công tác môi trường và xã hội

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Dịch Vụ Hàng Hải (TRA-SAS) luôn xác định bảo vệ môi trường là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Không chỉ cam kết trong lời nói, TRA-SAS đã có những hành động thiết thực để hiện thực hóa mục tiêu này. Một trong những dự án tiêu biểu là kho hóa chất và hàng nguy hiểm tại Cụm Khu Công Nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, với diện tích hơn 16.000 m². Kho bãi này không chỉ được trang bị hệ thống an toàn cháy nổ hiện đại mà còn tuân thủ các tiêu chuẩn công nghiệp nghiêm ngặt, được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (DTM) năm 2020 và đạt chứng nhận ISO 9001:2015 vào năm 2023.

Bên cạnh việc đầu tư cơ sở hạ tầng an toàn, TRA-SAS không ngừng cải tiến quy trình quản lý môi trường, áp dụng các giải pháp vận tải xanh, hướng đến giảm thiểu phát thải và tối ưu hóa năng lượng. Công ty đã triển khai hệ thống giám sát nhiên liệu thông minh, giúp giảm lượng tiêu thụ nhiên liệu của đội xe, đồng thời đẩy mạnh sử dụng phương tiện vận tải thân thiện với môi trường, như xe tải chạy bằng điện hoặc nhiên liệu sạch.

Không chỉ TRA-SAS, nhiều doanh nghiệp vận tải khác cũng đang tích cực thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường như tối ưu hóa lộ trình vận chuyển để giảm tiêu thụ nhiên liệu, ứng dụng công nghệ AI trong quản lý kho bãi nhằm cắt giảm lãng phí, hay xây dựng các trung tâm logistics đạt chứng chỉ LEED để đảm bảo hiệu suất cao và giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái.

Với những nỗ lực không ngừng, TRA-SAS không chỉ khẳng định vai trò tiên phong trong ngành vận tải mà còn thể hiện trách nhiệm xã hội bằng cách hướng tới một nền logistics bền vững, thân thiện với môi trường, đồng hành cùng xu thế toàn cầu trong việc giảm phát thải và bảo vệ hành tinh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2024, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, triển khai kế hoạch SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, cũng như Điều lệ công ty.

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của BGD đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2024 tăng trưởng cao so với mục tiêu đề ra trong điều kiện tình hình kinh tế thế giới nói chung, cung như thị trường ngành logistic nói riêng còn nhiều bất ổn, thách thức. Các nhiệm vụ Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành trong năm 2024:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên năm 2023;
- Thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2023 gồm: chi cổ tức bằng tiền 10% vào ngày 29/07/2024 và chi trả phần cổ tức bằng cổ phiếu 20% vào ngày 02/08/2024;
- Tổng kết tình hình hoạt động năm 2023 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024;
- Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty để công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh được tinh gọn và mang lại hiệu quả hơn;
- Chỉ đạo thực hiện rà soát lại việc phân cấp ban hành các quy chế quản lý nội bộ trong Công ty, phân cấp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam và căn cứ định hướng trung hạn của Công ty. Hội đồng quản trị đề ra các mục tiêu kế hoạch trọng tâm trong năm 2025 như sau:

- Trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết của HĐQT.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy trình quản lý, quản trị của công ty. Kiện toàn bổ nhiệm/ miễn nhiệm nhân sự theo cơ cấu tổ chức phù hợp với định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quan tâm, bảo vệ quyền lợi, điều kiện làm việc cho Người lao động trong Công ty, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho Người lao động.



V.

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2024

72 Hội đồng quản trị

74 Ban kiểm soát

75 Ban điều hành

76 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đỗ Văn Mười	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.108.818	16,94%
2	Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên Hội đồng Quản trị	1.311.021	20,03%
3	Ông Trần Việt Huy	Thành viên Hội đồng Quản trị	1.108.846	16,94%
4	Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	314.052	4,80%
5	Ông Lê Quý Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị	1.055.037 (*)	16,12% (*)

Ghi chú: (*) Đại diện phần vốn của Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Hợp Tác Đầu Tư Giao Thông Vận Tải.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm qua, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải chưa thành lập tiểu ban Hội đồng Quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị, với vai trò bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư và cổ đông hiện hữu, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Phối hợp chặt chẽ cùng Ban Giám đốc, Hội đồng không ngừng giám sát và triển khai các nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Mỗi quyết định đều được cân nhắc kỹ lưỡng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, quy chế nội bộ và Điều lệ của TRS. Hơn nữa, Hội đồng quản trị luôn chủ động theo dõi và cập nhật những biến chuyển của Luật Doanh nghiệp cũng như tình hình vĩ mô trong nước và quốc tế, nhằm kịp thời điều chỉnh chiến lược và đưa ra các quyết định phù hợp, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững cho Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Đỗ Văn Mười	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	11/11	100%
2	Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên Hội đồng Quản trị	11/11	100%
3	Ông Trần Việt Huy	Thành viên Hội đồng Quản trị	11/11	100%
4	Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	11/11	100%
5	Ông Lê Quý Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị	11/11	100%

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải đã tiến hành 09 cuộc họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01.2024. NQ.HĐQT	15/01/2024	Thông qua việc vay vốn, thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	100%
2	02.2024. NQ.HĐQT	16/01/2024	Thông qua việc vay vốn, thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sài Gòn.	100%
3	03.2024. NQ.HĐQT	25/03/2024	Thông qua vấn đề gia hạn và triển khai kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%
4	04.2024. NQ.HĐQT	27/05/2024	Thông qua việc vay vốn, thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Sài Gòn.	100%
5	05.2024. NQ.HĐQT	28/06/2024	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2023.	100%
6	06.2024. NQ.HĐQT	09/08/2024	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2023.	100%
7	07.2024. NQ.HĐQT	04/10/2024	Bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty.	100%
8	08.2024. NQ.HĐQT	22/11/2024	Thông qua việc thực hiện giao dịch thuê tài chính tại Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam.	100%
9	09.2024. NQ.HĐQT	29/11/2024	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban thực hành tiêu chuẩn Môi Trường- Xã Hội- Quản Trị.	100%

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để lấy ý kiến và thông qua nhiều quyết định , nội dung quản trị quan trọng để đạt được những kết quả cụ thể, có kết quả cao trong hoạt động kinh doanh của công ty.

HĐQT đã thực hiện tốt công tác quản trị và công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình hoạt động kinh doanh , tình hình quản trị theo Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật.

HĐQT giám sát , hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phạm Xuân Khoa	Trưởng Ban kiểm soát	7.045	0,13%
2	Bà Trần Thị Tuyết Linh	Thành viên Ban kiểm soát	28.603	0,52%
3	Bà Nguyễn Thị Việt Kiều	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Phạm Xuân Khoa	Trưởng Ban kiểm soát	3/3	100%
2	Bà Trần Thị Tuyết Linh	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%
3	Bà Nguyễn Thị Việt Kiều	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị về các công tác như: tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch năm 2024; chuẩn bị nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024; xem xét tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị đều được gửi đến Ban kiểm soát.
- Ban Kiểm soát phối hợp với HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định, quy chế quản trị của công ty.
- Xem xét Báo cáo Tài chính năm 2023 và thực hiện báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2023 trình Đại hội cổ đông thường niên 2024.
- Soát xét một số nội dung liên quan tuân thủ quy trình đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn.
- Xem xét, thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cổ đông, nhóm cổ đông có tỉ lệ sở hữu như quy định của Điều lệ công ty về các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành và liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2024, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư hay phản ánh nào của cổ đông, nhóm cổ đông liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Trong năm 2024, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải đã tổ chức 03 phiên họp, cụ thể:

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01.2024/QĐ-BKS	15/03/2024	Rà soát BCTC 2023 do Ban điều hành lập; Giám sát quá trình chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2024.	3/3
2	02.2024/QĐ-BKS	28/06/2024	Giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 về vấn đề phát hành cổ phiếu trả cổ tức và đăng ký thay đổi GPKD.	3/3
3	03.2024/QĐ-BKS	18/10/2024	Xem xét và chọn lựa đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2025.	3/3

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM: Không có.

BAN ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Quý	Tổng Giám đốc	1.311.021	20,03%
2	Ông Trần Việt Huy	Giám đốc Điều hành	1.108.846	16,94%
3	Ông Đỗ Văn Mười	Giám đốc Tài chính	1.108.818	16,94%
4	Ông Hồ Trọng Bình	Giám đốc Nghiệp vụ	101.160	1,55%

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM: Không có.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập, thù lao, lương, thưởng (VNĐ)	
			2023	2024
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Ông Đỗ Văn Mười	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Tài chính	2.127.847.826	2.796.500.000
2	Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.517.847.826	3.296.500.000
3	Ông Trần Việt Huy	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành	2.065.847.826	2.624.500.000
4	Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên HĐQT	110.217.391	180.000.000
5	Ông Lê Quý Nghĩa	Thành viên HĐQT	110.217.391	180.000.000
BAN KIỂM SOÁT				
6	Ông Phạm Xuân Khoa	Trưởng BKS	369.217.391	383.100.000
7	Bà Trần Thị Tuyết Linh	Thành viên BKS	466.743.478	479.300.000
8	Bà Nguyễn Thị Việt Kiều	Thành viên BKS	279.669.130	301.971.936
BAN ĐIỀU HÀNH				
9	Ông Nguyễn Văn Quý	Đã đề cập tại phần thông tin Hội đồng Quản trị (STT 2)		
10	Ông Trần Việt Huy	Đã đề cập tại phần thông tin Hội đồng Quản trị (STT 3)		
11	Ông Đỗ Văn Mười	Đã đề cập tại phần thông tin Hội đồng Quản trị (STT 1)		
12	Ông Hồ Trọng Bình	Giám đốc Nghiệp vụ	1.748.304.348	2.207.700.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đỗ Văn Mười		924.015	16,94%	1.108.818	16,94%	Cổ tức 2023: 184.803 cp
2	Trần Việt Huy		924.039	16,94%	1.108.846	16,94%	Cổ tức 2023: 184.807 cp
3	Nguyễn Văn Quý		1.092.518	20,03%	1.311.021	20,03%	Cổ tức 2023: 218.503 cp
4	Nguyễn Thành Đồng		261.710	4,80%	314.052	4,80%	Cổ tức 2023: 52.342 cp
5	Lê Quý Nghĩa		879.198	16,12%	1.055.037	16,12%	Cổ tức 2023: 175.839cp
6	Phạm Xuân Khoa		7.045	0,13%	8.454	0,13%	Cổ tức 2023: 1.409 cp
7	Trần Thị Tuyết Linh		28.603	0,52%	34.323	0,52%	Cổ tức 2023: 5.720 cp
8	Nguyễn Tuấn Phong	Con ruột TGD	213.254	3,91%	255.904	3,91%	Cổ tức 2023: 42.650 cp
9	Nguyễn Thông Thương	Anh trai TGD	2.320	0,04%	2.784	0,04%	Cổ tức 2023 : 464 cp
10	Nguyễn Thị Xuân Thu	Em gái TGD	501	0,01%	601	0,01%	Cổ tức 2023 : 100 cp
11	Ngô Đức Trung	Anh rể GD Điều hành	48.402	0,89%	58.082	0,89%	Cổ tức 2023 : 9.680 cp
12	Nguyễn Liên Hương	Vợ TV HĐQT	6.486	0,12%	7.783	0,12%	Cổ tức 2023 : 1.297 cp

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2024

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định công tác quản trị và báo cáo thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết. Cụ thể, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải (TRA-SAS) đã tích cực tham gia các hội thảo và khóa đào tạo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và các Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức, nhằm nâng cao năng lực quản trị và tuân thủ pháp lý. Đáng chú ý, TRA-SAS tham dự hội thảo quản trị công ty và quản lý rủi ro do UBCKNN, Đại sứ quán Úc và Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc (ASIC) phối hợp tổ chức, giúp công ty tiếp cận kinh nghiệm thực tiễn và giải pháp kiểm soát rủi ro. Ngoài ra, TRA-SAS còn tham gia khóa học “Quản trị công ty cổ phần trong bối cảnh hội nhập thị trường vốn”, cung cấp kiến thức quan trọng về tiêu chuẩn quốc tế trong quản trị doanh nghiệp Bên cạnh đó, TRA-SAS cũng góp mặt tại hội thảo chuyên đề về quản trị công ty, nghĩa vụ công bố thông tin và quan hệ nhà đầu tư (IR) tại TP.HCM và Cần Thơ, giúp cập nhật các quy định pháp lý mới và nâng cao chiến lược IR. Thông qua các chương trình này, TRA-SAS không chỉ tăng cường tính minh bạch, cải thiện quản lý rủi ro mà còn xây dựng nền tảng vững chắc để phát triển bền vững trong bối cảnh thị trường vốn ngày càng hội nhập.

VI.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 14
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	15 - 38

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải biển và Dịch vụ Hàng hải theo Quyết định số 4396 ngày 21 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304184415, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 17 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

Địa chỉ : 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : +84 (028) 3925 0222
Fax : +84 (028) 3925 0555

Công ty có các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Hà Nội	25 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Bình Dương	Thửa đất số 1011, Tờ bản đồ số DC10.7, Khu phố Đồng An 3, Phường Bình Hòa, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Đồng Nai	Tổ 3, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng chai đựng dung dịch lỏng, gồm đồ uống và thực phẩm; đóng gói đồ rắn; dán tem, nhãn và đóng dấu; bọc quà (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Mua bán hàng thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán chất diệt khuẩn, diệt côn trùng dùng trong gia đình (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh) (không tồn trữ hóa chất); mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, chất xử lý mùi không khí, chất tẩy rửa, kim khí điện máy, dụng cụ thể thao (trừ súng đạn thể thao và vũ khí thô sơ), đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Kinh doanh vận tải biển;
- Xây dựng công trình thủy lợi, công trình giao thông;
- Mua bán phụ tùng xe có động cơ, các loại máy móc thiết bị;
- Mua bán vật liệu xây dựng, mua bán gỗ nhập khẩu và gỗ rừng trồng, giấy, sản phẩm từ giấy;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không hoạt động nhà hàng tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt;
- Đại lý vận tải biển; đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh nhà;
- Mua bán đồ uống, nước giải khát, rượu bia (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Khai thác đá (đá khối, đá ốp lát, đá tấm, đá mỹ nghệ);
- Mua bán điện tử, viễn thông, quang học, băng đĩa (không mua bán băng đĩa tại trụ sở);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bảo dưỡng: xe có động cơ và ô tô, xe máy, phụ tùng xe có động cơ, các loại máy móc thiết bị;
- Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Môi giới thương mại;
- Mua bán hàng tin học, quang học, băng đĩa (không mua bán băng đĩa tại trụ sở);
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn (không hoạt động khách sạn tại trụ sở);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da, hàng lông thú, găng tay, bít tất, cà vạt, dây đeo quần trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học, kính đeo mắt, đồng hồ và đồ trang sức, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn màn; bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); bán lẻ đồ chơi và đồ chơi (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội); đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh (có nội dung được phép lưu hành);
- Cho thuê đồ dệt, trang phục và giày dép; đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp; Đồ trang sức, bàn ghế, phong bật, quần áo; Sách, tạp chí; Hoa và cây; Thiết bị điện và đồ gia dụng cho gia đình;
- Cho thuê máy móc và thiết bị sử dụng sửa chữa nhà; thiết bị âm nhạc; máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng, máy móc và thiết bị văn phòng (tất cả thiết bị và máy móc cho thuê không kèm người điều khiển);
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; mua bán vật liệu điện;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);

- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn hạt nhựa. Bán buôn thiết bị niêm phong dùng cho container. Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, giống cây trồng, phân bón (không tồn trữ hóa chất);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Sản xuất tinh dầu, hương liệu, và các sản phẩm từ tinh dầu, hương liệu, dầu massage, hóa chất (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Văn Mười	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2023
Ông Trần Việt Huy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023
Ông Lê Quý Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Xuân Khoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023
Bà Trần Thị Tuyết Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Việt Kiều	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Quý	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2023
Ông Trần Việt Huy	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2008
Ông Đỗ Văn Mười	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2008
Ông Hồ Trọng Bình	Giám đốc nghiệp vụ	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quý – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.


Nguyễn Văn Quý
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2025





Số: 1.0844/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2025, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện mà Công ty bị Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa kiện.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Hoàng Khải Vương****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

Phan Vũ Công Bá**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		239.428.555.635	213.386.222.644
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.705.919.363	23.360.742.280
1. Tiền	111		16.003.171.493	22.610.720.498
2. Các khoản tương đương tiền	112		702.747.870	750.021.782
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		369.164.066	306.053.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.006.053.000	1.006.053.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(700.000.000)	(700.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	63.111.066	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		165.494.853.212	141.924.217.436
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	98.605.505.118	99.851.404.121
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.448.929.270	6.855.795.970
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	57.605.803.132	35.298.420.310
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(165.384.308)	(81.402.965)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		40.211.515.541	34.252.819.836
1. Hàng tồn kho	141	V.7	40.211.515.541	34.252.819.836
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.647.103.453	13.542.390.092
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.415.772.545	2.019.254.341
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.840.689.568	11.490.139.512
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	390.641.340	32.996.239
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		213.367.543.904	181.423.084.183
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.478.484.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.478.484.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		186.811.328.734	171.811.482.126
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	112.027.084.567	101.634.106.800
- Nguyên giá	222		167.013.037.300	160.388.805.361
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.985.952.733)	(58.754.698.561)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	5.707.471.790	-
- Nguyên giá	225		5.778.689.857	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(71.218.067)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	69.076.772.377	70.177.375.326
- Nguyên giá	228		79.041.520.249	79.041.520.249
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.964.747.872)	(8.864.144.923)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.389.147.205	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	18.389.147.205	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.688.583.965	9.611.602.057
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.688.583.965	9.611.602.057
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		452.796.099.539	394.809.306.827

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		188.564.875.455	160.916.580.025
I. Nợ ngắn hạn	310		171.554.054.437	156.387.656.891
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	118.747.988.321	121.968.888.361
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	24.942.521.147	16.399.957.774
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.806.503.244	2.284.093.839
4. Phải trả người lao động	314	V.16	3.332.486.084	3.084.347.134
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	5.788.793.855	8.942.471.604
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	13.626.728.607	811.200.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.309.033.179	2.896.698.179
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		17.010.821.018	4.528.923.134
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	17.010.821.018	4.528.923.134
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		264.231.224.084	233.892.726.802
I. Vốn chủ sở hữu	410		264.231.224.084	233.892.726.802
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	65.442.680.000	54.556.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65.442.680.000	54.556.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(121.000.000)	(121.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	13.786.296.158	13.786.296.158
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	185.123.247.926	165.671.230.644
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		149.341.230.644	165.671.230.644
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		35.782.017.282	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		452.796.099.539	394.809.306.827

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025




Đào Ngọc Trang
Kế toán trưởng/Người lập


Nguyễn Văn Quý
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.080.942.001.790	1.019.334.582.482
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.531.470.351	7.042.131.977
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.077.410.531.439	1.012.292.450.505
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	931.844.839.148	879.174.999.612
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		145.565.692.291	133.117.450.893
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.948.858.355	3.582.587.117
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.239.547.165	7.044.468.679
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.831.671.959	1.929.353.331
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	39.177.150.184	42.216.657.215
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	66.543.640.292	59.090.967.137
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.554.213.005	28.347.944.979
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.669.201.090	6.830.466.616
12. Chi phí khác	32	VI.9	396.809.327	430.964.284
13. Lợi nhuận khác	40		8.272.391.763	6.399.502.332
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.826.604.768	34.747.447.311
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	9.044.587.486	7.035.682.319
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.782.017.282	27.711.764.992
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	5.468	4.235
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	5.468	4.235

Đào Ngọc Trang
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Văn Quý
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44.826.604.768	34.747.447.311
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10; V.11	12.925.789.898	11.728.198.957
- Các khoản dự phòng	03	V.6	83.981.343	24.420.889
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	-	432.466.278
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(6.857.256.038)	(132.261.008)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.831.671.959	1.929.353.331
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		52.810.791.930	48.729.625.758
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.669.349.656)	8.585.302.814
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.958.695.705)	(582.461.642)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.623.814.791	(26.769.343.900)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.385.197.441	(1.437.636.933)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(1.831.671.959)	(1.929.353.331)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(8.535.682.319)	(8.307.929.048)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	1.300.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(588.965.000)	(297.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.236.739.523	17.991.203.718
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, VII	(48.745.968.326)	(10.747.722.419)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	9.225.200.335	16.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b	(63.111.066)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	60.418.666	116.261.008
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.523.460.391)	(10.615.461.411)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	56.657.004.666	5.303.163.194
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(37.274.258.015)	(33.279.576.945)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.18	(312.206.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.20	(5.438.642.700)	(6.804.469.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.631.897.951	(34.780.883.251)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.654.822.917)	(27.405.140.944)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.360.742.280	51.198.349.502
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(432.466.278)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	16.705.919.363	23.360.742.280

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025




Đào Ngọc Trang
Kế toán trưởng/Người lập


Nguyễn Văn Quý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ khai thuê hải quan; Đại lý vận tải biển, đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa; Mua bán đồ uống, nước giải khát, rượu bia; Kinh doanh nhà hàng ăn uống; Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm trong siêu thị, trung tâm thương mại.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Hà Nội	25 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Bình Dương	Thửa đất số 1011, Tờ bản đồ số DC10.7, Khu phố Đồng An 3, Phường Bình Hòa, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Đồng Nai	Tổ 3, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 230 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 224 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi và cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi và cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.
- Đối với trái phiếu doanh nghiệp: giá trái phiếu đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính thì không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với mặt hàng rượu), tính theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với các mặt hàng còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất và công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (35 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải, truyền dẫn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian khấu hao từ 6 - 8 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia
Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu
Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

18. Chi phí đi vay
Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí
Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành
Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	14.332.411	72.677.548
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.988.839.082	22.538.042.950
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	702.747.870	750.021.782
Cộng	16.705.919.363	23.360.742.280

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	1.001.053.000	301.053.000	(700.000.000)	1.001.053.000	301.053.000	(700.000.000)
Công ty Cổ phần Bất động sản Eximland	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)
Các cổ phiếu khác	1.053.000	1.053.000	-	1.053.000	1.053.000	-
Trái phiếu	5.000.000	5.000.000	-	5.000.000	5.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	5.000.000	5.000.000	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	1.006.053.000	306.053.000	(700.000.000)	1.006.053.000	306.053.000	(700.000.000)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Bến Thành.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thực phẩm & Nước giải khát Ý Tường Việt	45.790.513.692	51.165.598.007
Các khách hàng khác	52.814.991.426	48.685.806.114
Cộng	98.605.505.118	99.851.404.121

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Art Lan MFT Việt Nam	3.809.228.744	4.809.228.744
Công ty TNHH Xây lắp – Cơ điện lạnh Sao Phương Nam	1.185.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phú Cường	1.394.317.703	-
Các nhà cung cấp khác	3.060.382.823	878.593.263
Cộng	9.448.929.270	6.855.795.970

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản chi hộ cho khách hàng	50.816.957.529	-	30.336.554.751	-
Tạm ứng	4.131.066.157	-	3.060.928.778	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	285.500.000	-	1.271.537.849	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.372.279.446	-	629.398.932	-
Cộng	57.605.803.132	-	35.298.420.310	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ phải thu khó đòi

Công ty có các khoản nợ phải thu khó đòi tiền hàng và phải thu khác. Chi tiết như sau:

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Allure Việt Nam	-	-	-	Trên 03 năm	756.000.849	756.000.849
Blue Sea Canned Food Company Limited	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	119.973.347	35.992.004	-	-	-
Công ty TNHH Magnetar Global International Việt Nam	Trên 03 năm	305.622.154	305.622.154	-	-	-
Scan Shipping Pte. Ltd.	Trên 03 năm	241.512.325	241.512.325	Trên 03 năm	241.512.325	241.512.325
Công ty Cổ phần Tenzon Việt Nam	Trên 03 năm	81.402.965	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	81.402.965	-
Công ty TNHH Scan-Shipping Việt Nam	Trên 03 năm	60.108.660	60.108.660	Trên 03 năm	60.108.660	60.108.660
Cộng		808.619.451	643.235.143		1.139.024.799	1.057.621.834

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	81.402.965	56.982.076
Trích lập dự phòng	83.981.343	24.420.889
Số cuối năm	165.384.308	81.402.965

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	13.465.818.011	-	11.685.350.220	-
Nguyên liệu, vật liệu	172.541.425	-	225.323.584	-
Hàng hóa	26.573.156.105	-	22.342.146.032	-
Cộng	40.211.515.541	-	34.252.819.836	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	766.338.516	673.196.954
Chi phí sửa chữa tài sản	351.083.180	387.346.527
Chi phí bảo hiểm	999.343.179	631.514.510
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.299.007.670	327.196.350
Cộng	3.415.772.545	2.019.254.341

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	3.879.732.245	4.019.767.800
Công cụ, dụng cụ	1.185.210.198	2.506.307.728
Chi phí sửa chữa	234.220.221	253.052.371
Chi phí thi công Saladstop	-	1.304.465.100
Các chi phí trả trước dài hạn khác	389.421.301	1.528.009.058
Cộng	5.688.583.965	9.611.602.057

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	88.259.162.121	276.100.000	50.684.628.266	21.168.914.974	160.388.805.361
Mua trong năm	-	-	19.593.171.863	4.039.898.621	23.633.070.484
Tăng do phân loại lại	-	(276.100.000)	-	1.505.340.761	1.229.240.761
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(17.607.609.042)	-	(17.607.609.042)
Giảm khác	-	-	-	(630.470.264)	(630.470.264)
Số cuối năm	88.259.162.121	-	52.670.191.087	26.083.684.092	167.013.037.300
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.850.208.072	-	14.651.450.730	1.526.326.687	21.027.985.489
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.348.717.768	276.100.000	36.753.765.508	6.376.115.285	58.754.698.561
Khấu hao trong năm	3.337.372.560	-	4.704.180.825	3.712.415.497	11.753.968.882
Tăng do phân loại lại	-	(276.100.000)	-	364.038.314	87.938.314
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.179.246.079)	-	(15.179.246.079)
Giảm khác	-	-	-	(431.406.945)	(431.406.945)
Số cuối năm	18.686.090.328	-	26.278.700.254	10.021.162.151	54.985.952.733
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	72.910.444.353	-	13.930.862.758	14.792.799.689	101.634.106.800
Số cuối năm	69.573.071.793	-	26.391.490.833	16.062.521.941	112.027.084.567
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách 82.941.185.168 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.18).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải, truyền dẫn.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	5.778.689.857	71.218.067	
Số cuối năm	5.778.689.857	71.218.067	5.707.471.790

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	76.663.820.249	2.377.700.000	79.041.520.249
Số cuối năm	76.663.820.249	2.377.700.000	79.041.520.249

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	7.318.639.923	1.545.505.000	8.864.144.923
Khấu hao trong năm	862.832.949	237.770.000	1.100.602.949
Số cuối năm	8.181.472.872	1.783.275.000	9.964.747.872

Giá trị còn lại

Số đầu năm	69.345.180.326	832.195.000	70.177.375.326
Số cuối năm	68.482.347.377	594.425.000	69.076.772.377

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 67.828.628.772 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.18).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	34.218.155.054	(29.411.760.341)	(3.391.716.810)	1.414.677.903
Xây dựng cơ bản dở dang	-	16.974.469.302	-	-	16.974.469.302
Cộng	-	51.192.624.356	(29.411.760.341)	(3.391.716.810)	18.389.147.205

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Starbucks Corporation	66.078.829.748	64.856.802.788
Các nhà cung cấp khác	52.669.158.573	57.112.085.573
Cộng	118.747.988.321	121.968.888.361

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thực phẩm & Nước giải khát Ý Tường Việt	1.600.000.000	1.600.000.000
Siemens Ltd.	6.150.000.000	3.560.000.000
Siemens Healthcare Limited Company	4.075.000.000	2.935.000.000
Công ty TNHH Siemens Energy	371.378.820	1.771.000.000
Urc VietNam Co, Ltd	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Cúc Tây Trading	3.220.595.620	-
Các khách hàng khác	7.525.546.707	4.533.957.774
Cộng	24.942.521.147	16.399.957.774

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	48.945.884.612	(48.945.884.612)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	80.007.122	(80.007.122)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	32.996.239	21.142.573.010	(21.433.656.523)	-	324.079.752
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.035.682.319	-	9.044.587.486	(8.535.682.319)	2.544.587.486	-
Thuế thu nhập cá nhân	248.411.520	-	4.448.890.817	(4.435.386.579)	261.915.758	-
Thuế nhà đất	-	-	21.180.318	(21.180.318)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	720.076.811	(720.076.811)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	1.181.118.252	(1.247.679.840)	-	66.561.588
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	2.284.093.839	32.996.239	85.587.318.428	(85.422.554.124)	2.806.503.244	390.641.340

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% cho một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh mặt hàng bia và rượu. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt như sau:

- Rượu dưới 20 độ	35%
- Rượu từ 20 độ trở lên	65%
- Bia	65%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.826.604.768	34.747.447.311
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	396.332.661	430.964.284
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	45.222.937.429	35.178.411.595
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.044.587.486	7.035.682.319

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường cho hoạt động nhập khẩu túi nilon với mức thuế là 40.000 VND/kg.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	86.165.185	79.778.214
Kinh phí công đoàn	2.446.886.209	2.248.067.824
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	357.220.000	294.220.000
Các khoản thu hộ đại lí	2.407.936.921	2.407.936.921
Maria Francesca Tan (MFT) Group of Companies, Inc. – tiền ứng để thực hiện chuỗi cửa hàng SaladStop! tại Việt Nam	268.566.330	3.798.525.258
Cổ tức còn phải trả	4.877.300	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	217.141.910	113.943.387
Cộng	5.788.793.855	8.942.471.604

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.243.952.651	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	1.761.505.200	-
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn (ii)	6.482.447.451	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	3.411.216.000	811.200.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	1.971.559.956	-
Cộng	13.626.728.607	811.200.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 1118, 1119, 1120, 1121, tờ bản đồ số 1, BDC Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 (nay là TP. Thủ Đức), TP. Hồ Chí Minh. (xem thuyết minh số V.9 và V.11).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,38%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 335, tờ bản đồ số 107; các thửa đất số 147, 1313, 1011 tờ bản đồ số DC10.7 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1314 tờ bản đồ số DC10.7 địa chỉ Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An (nay là TP. Thuận An) tỉnh Bình Dương (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	43.657.004.666	-	(35.413.052.015)	8.243.952.651
Vay dài hạn đến hạn trả	811.200.000	-	3.411.216.000	(811.200.000)	3.411.216.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	1.971.559.956	-	1.971.559.956
Cộng	811.200.000	43.657.004.666	5.382.775.956	(36.224.252.015)	13.626.728.607

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (i)	13.067.701.134	4.528.923.134
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.943.119.884	-
Cộng	17.010.821.018	4.528.923.134

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo các hợp đồng tín dụng với lãi suất từ 10%/năm đến 10,5%/năm, mục đích vay để mua phương tiện vận tải, xây dựng nhà kho lưu giữ và trung chuyển hàng hóa, thời hạn vay từ 05 năm đến 06 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	16.478.917.134	3.411.216.000	12.594.778.000	472.923.134
Nợ thuê tài chính	5.914.679.840	1.971.559.956	3.943.119.884	-
Cộng	22.393.596.974	5.382.775.956	16.537.897.884	472.923.134
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	5.340.123.134	811.200.000	3.244.800.000	1.284.123.134
Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Cộng	5.340.123.134	811.200.000	3.244.800.000	1.284.123.134

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	1.971.559.956	3.943.119.884	-	5.914.679.840
Lãi thuê phải trả	345.075.239	282.798.062	-	627.873.301
Nợ thuê tài chính phải trả	2.316.635.195	4.225.917.946	-	6.542.553.141
Số đầu năm	-	-	-	-
Tiền gốc phải trả	-	-	-	-
Lãi thuê phải trả	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính phải trả	-	-	-	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngân hàng và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	4.528.923.134	13.000.000.000	(1.050.006.000)	(3.411.216.000)	13.067.701.134
Nợ thuê tài chính	-	6.226.885.840	(312.206.000)	(1.971.559.956)	3.943.119.884
Cộng	4.528.923.134	19.226.885.840	(1.362.212.000)	(5.382.775.956)	17.010.821.018

18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	-	-	-
Quỹ phúc lợi	744.905.335	1.300.000	(588.965.000)	157.240.335
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.151.792.844	-	-	2.151.792.844
Cộng	2.896.698.179	1.300.000	(588.965.000)	2.309.033.179

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.484.130.000	(121.000.000)	13.786.296.158	153.836.005.152	212.985.431.310
Tăng vốn từ lợi nhuận	9.072.070.000	-	-	(9.072.070.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	27.711.764.992	27.711.764.992
Chia cổ tức	-	-	-	(6.804.469.500)	(6.804.469.500)
Số dư cuối năm trước	54.556.200.000	(121.000.000)	13.786.296.158	165.671.230.644	233.892.726.802
Số dư đầu năm nay	54.556.200.000	(121.000.000)	13.786.296.158	165.671.230.644	233.892.726.802
Tăng vốn từ lợi nhuận	10.886.480.000	-	-	(10.886.480.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	35.782.017.282	35.782.017.282
Chia cổ tức	-	-	-	(5.443.520.000)	(5.443.520.000)
Số dư cuối năm nay	65.442.680.000	(121.000.000)	13.786.296.158	185.123.247.926	264.231.224.084

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư		
Giao thông Vận tải	10.550.370.000	8.791.980.000
Ông Nguyễn Văn Quý	13.110.210.000	10.925.180.000
Ông Trần Việt Huy	11.088.460.000	9.240.390.000
Ông Đỗ Văn Mười	11.088.180.000	9.240.150.000
Các cổ đông khác	19.484.460.000	16.237.500.000
Cộng	65.321.680.000	54.435.200.000

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:2 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 20 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 31 tháng 5 năm 2024. Trên cơ sở đó Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 10.886.480.000 VND. Ngày 17 tháng 10 năm 2024 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 28 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 65.442.680.000 VND.

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.544.268	5.455.620
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.544.268	5.455.620
- Cổ phiếu phổ thông	6.544.268	5.455.620
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	12.100	12.100
- Cổ phiếu phổ thông	12.100	12.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.544.268	5.443.520
- Cổ phiếu phổ thông	6.544.268	5.443.520
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 31 tháng 5 năm 2024 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	: 10.886.480.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	: 5.443.520.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	223.200.000	720.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	607.545.225	900.000.000
Cộng	830.745.225	1.620.000.000

21b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	67.369,99	118.810,31
Euro (EUR)	0,55	0,55

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin GOL	10.000.000	10.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin VNUS	9.112.500	9.112.500
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu An Nhật	5.210.000	5.210.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Thành	44.980.000	44.980.000
Công ty Tabitha Việt Nam	85.669.819	85.669.819
Công ty TNHH Atlantic Shipping Line	57.000.000	57.000.000
Các khách hàng khác	46.401.922	46.401.922
Cộng	258.374.241	258.374.241

Các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ do không có khả năng thu hồi trong tương lai.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	851.696.846.045	783.044.790.716
Doanh thu cung cấp dịch vụ	229.245.155.745	236.289.791.766
Cộng	1.080.942.001.790	1.019.334.582.482

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu Giảm giá hàng bán.		
3. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	808.035.116.994	750.779.106.209
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	123.809.722.154	128.395.893.403
Cộng	931.844.839.148	879.174.999.612
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	60.418.666	116.261.008
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.888.439.689	3.466.326.109
Cộng	3.948.858.355	3.582.587.117
5. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.831.671.959	1.929.353.331
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.407.875.206	4.682.649.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	432.466.278
Cộng	7.239.547.165	7.044.468.679
6. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.491.495.319	14.149.906.430
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.868.265.636	5.791.892.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.452.973.801	7.738.973.535
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	72.600.000	2.467.812.269
Chi phí thuê lao động bên ngoài	295.698.577	3.167.896.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.894.790.608	4.316.826.889
Các chi phí khác	101.326.243	4.583.349.183
Cộng	39.177.150.184	42.216.657.215
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	45.495.129.655	39.340.830.105
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.924.971.896	1.772.379.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.472.816.097	4.076.189.762
Dự phòng phải thu khó đòi	83.981.343	24.420.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.194.845.425	12.850.707.711
Các chi phí khác	1.371.895.876	1.026.439.189
Cộng	66.543.640.292	59.090.967.137

8. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.796.837.372	16.000.000
Các khoản thuế được hoàn	172.716.268	-
Thu nhập từ xác nhận công nợ phải trả với Golden ABC	-	5.505.057.859
Thu nhập từ xác nhận công nợ phải trả với Starbuck	-	1.306.126.698
Thu nhập từ xác nhận công nợ phải trả với nhà cung cấp khác	217.717.815	-
Thu nhập từ hàng kiểm kê thừa	1.456.343.513	-
Thu nhập khác	25.586.122	3.282.059
Cộng	8.669.201.090	6.830.466.616
9. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hành chính	173.926.824	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	8.591.811	697.425
Chi phí bồi thường	164.204.860	427.510.609
Chi phí khác	50.085.832	2.756.250
Cộng	396.809.327	430.964.284
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.782.017.282	27.711.764.992
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	35.782.017.282	27.711.764.992
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.544.268	6.544.268
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.468	4.235
10b. Thông tin khác		
Trong năm Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 5.091 VND xuống còn 4.235 VND.		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.		
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.337.301.508	17.272.775.270
Chi phí nhân công	62.260.103.018	53.540.736.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.925.789.898	11.728.198.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.947.773.615	149.289.127.658
Chi phí khác	2.059.544.591	4.531.390.835
Cộng	229.530.512.630	236.362.229.255

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền		
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	5.778.689.857	-
Thuế VAT phát sinh thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	448.195.983	-
2. Các công nợ liên quan mua sắm tài sản cố định		
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản ứng trước tiền mua tài sản cố định là 6.723.750.637 VND.		

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Nợ tiềm tàng**
Ngày 30 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Tỉnh Long An đã tuyên Bản án sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST về việc tranh chấp hợp đồng thuê kho, bồi thường thiệt hại giữa Công ty và Thuốc lá Thanh Hóa. Theo đó, Tòa án đã tuyên xử Công ty phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Thuốc lá Thanh Hóa với số tiền là 22.969.974.659 VND và buộc Công ty Cổ phần Anpha – AG phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 22.969.974.659 VND.
- Ngày 10 tháng 5 năm 2021, Tòa án Nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án Nhân dân Tỉnh Long An và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án Nhân dân Tỉnh Long An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.
- Theo Quyết định số 02/2021/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án Nhân dân Tỉnh Long An, tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng thuê kho, bồi thường thiệt hại”.
2. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan**
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.
- Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Giám đốc nghiệp vụ và Giám đốc tài chính). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.
- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*
Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.
- Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*
Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

Họ và tên	Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Văn Mười	2.796.500.000	2.127.847.826
Ông Nguyễn Văn Quý	3.296.500.000	2.517.847.826
Ông Trần Việt Huy	2.624.500.000	2.065.847.826
Ông Lê Quý Nghĩa	180.000.000	110.217.391
Ông Nguyễn Thành Đồng	180.000.000	110.217.391
Ông Bùi Khắc Chung	-	380.130.435
Ông Phạm Ngọc Khuê	-	254.904.348
Ông Hồ Trọng Bình	-	1.748.304.348
Ông Phạm Xuân Khỏa	383.100.000	369.217.391
Bà Trần Thị Tuyết Linh	479.300.000	466.743.478
Bà Nguyễn Thị Việt Kiều	301.971.936	279.669.130
Cộng	10.241.871.936	10.430.947.390

3. **Thông tin về bộ phận**
Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

- 3a. **Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**
Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:
- Thương mại;
 - Dịch vụ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài như sau:

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Năm nay			
Thương mại	848.165.375.694	808.035.116.994	40.130.258.700
Dịch vụ	229.245.155.745	123.809.722.154	105.435.433.591
Cộng	1.077.410.531.439	931.844.839.148	145.565.692.291
Năm trước			
Thương mại	776.023.915.117	750.779.106.209	25.244.808.908
Dịch vụ	236.268.535.388	128.395.893.403	107.872.641.985
Cộng	1.012.292.450.505	879.174.999.612	133.117.450.893

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

- 3b. **Thông tin về khu vực địa lý**
Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**
Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.


Đào Ngọc Trang
Kế toán trưởng/Người lập

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Văn Quý
Tổng Giám đốc







2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Quý



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3925 0222

Website: www.trasas.com.vn